

Số : /QĐ-SYT Đồng Nai, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế trực thuộc**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đặc thù thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý;*

*Theo đề nghị Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính – Sở Y tế về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ sở y tế trực thuộc.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác thuộc lĩnh vực y tế cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, gồm 24 đơn vị (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

**Điều 2.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác thuộc lĩnh vực y tế quy định tại Quyết định này; hiện trạng máy móc, thiết bị và nhu cầu sử dụng thực tế; khả năng cân đối kinh phí để tổ chức đầu tư, mua sắm máy móc chuyên dùng khác phục vụ công tác đúng quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

**Điều 3.** Trong quá trình thực hiện, nếu đơn vị có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác thuộc lĩnh vực y tế vượt tiêu chuẩn, định mức được quy định tại Quyết định này thì báo cáo Sở Y tế xem xét, quyết định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 888/QĐ-SYT ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Sở Y tế.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng chuyên môn Sở Y tế; Giám đốc, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**PHỤ LỤC I**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI**  
*(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày        tháng        năm 2023 của Sở Y tế)*

| STT | CHUNG LOẠI                                         | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|-----|----------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 1.  | Máy X-quang đo loãng xương toàn thân               | Máy      | 2               |
| 2.  | Máy X-quang nhũ                                    | Máy      | 1               |
| 3.  | Máy X-quang quanh chóp                             | Máy      | 1               |
| 4.  | Máy X-quang răng                                   | Máy      | 2               |
| 5.  | Máy X-quang răng toàn cảnh                         | Máy      | 1               |
| 6.  | Xe khám lưu động có hệ thống X-quang di động       | Hệ thống | 2               |
| 7.  | Máy siêu âm xách tay                               | Máy      | 15              |
| 8.  | Máy siêu âm định lượng gan                         | Máy      | 2               |
| 9.  | Máy siêu âm trong lòng mạch IVUS                   | Máy      | 1               |
| 10. | Máy siêu âm nội soi                                | Máy      | 1               |
| 11. | Máy xét nghiệm đông máu các loại                   | Hệ thống | 4               |
| 12. | Máy xét nghiệm huyết học các loại                  | Hệ thống | 10              |
| 13. | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                  | Máy      | 10              |
| 14. | Hệ thống monitor trung tâm                         | Hệ thống | 10              |
| 15. | Máy điện cơ                                        | Máy      | 3               |
| 16. | Máy điện tim gắng sức                              | Máy      | 3               |
| 17. | Hệ thống nội soi mật tụy ngược dòng                | Hệ thống | 2               |
| 18. | Hệ thống nội soi bàng quang                        | Hệ thống | 2               |
| 19. | Hệ thống nội soi trung thất                        | Hệ thống | 2               |
| 20. | Bàn ép huyết tương                                 | Cái      | 2               |
| 21. | Bàn sanh, khám sản khoa                            | Cái      | 20              |
| 22. | Bàn sưởi ấm, hồi sức sơ sinh                       | Cái      | 16              |
| 23. | Bàn tập đa chức năng (hơn 2 chức năng cho bàn tay) | Cái      | 1               |
| 24. | Bàn tập phục hồi chức năng                         | Cái      | 1               |
| 25. | Bảng chiếu thị lực                                 | Cái      | 1               |
| 26. | Bể điều nhiệt/cách thủy                            | Cái      | 1               |
| 27. | Bình rót Paraffin                                  | Cái      | 2               |
| 28. | Bộ đặt nội khí quản                                | Bộ       | 40              |
| 29. | Bộ đặt nội khí quản khó có camera                  | Bộ       | 10              |
| 30. | Bộ đặt nội khí quản nhi/ sơ sinh                   | Bộ       | 5               |
| 31. | Bộ đo nhãn áp                                      | Bộ       | 1               |
| 32. | Bộ dụng cụ chỉ sử dụng cho các phòng bức xạ tia x  | Bộ       | 40              |
| 33. | Bộ dụng cụ mở khí quản                             | Bộ       | 3               |

| STT | CHUNG LOẠI                                              | ĐVT | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|-----|---------------------------------------------------------|-----|-----------------|
| 34. | Bộ dụng cụ nhuộm mô bằng tay                            | Bộ  | 2               |
| 35. | Bộ dụng cụ phẫu thuật các loại                          | Bộ  | 80              |
| 36. | Bộ dụng cụ phẫu thuật động mạch chủ ngực - bụng         | Bộ  | 2               |
| 37. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi các loại                  | Bộ  | 130             |
| 38. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi mũi xoang                 | Bộ  | 2               |
| 39. | Bộ dụng cụ phẫu thuật tim trẻ em                        | Bộ  | 2               |
| 40. | Bộ dụng cụ tái tạo dây chằng chéo                       | Bộ  | 1               |
| 41. | Bộ dụng cụ tập phục hồi chức năng                       | Bộ  | 1               |
| 42. | Bộ dụng cụ vi phẫu                                      | Bộ  | 10              |
| 43. | Bộ dụng cụ xử lý mô bằng tay                            | Bộ  | 2               |
| 44. | Bộ hồi sức sơ sinh                                      | Bộ  | 4               |
| 45. | Bộ khoan pin y khoa                                     | Bộ  | 1               |
| 46. | Bộ kính thử thị lực                                     | Bộ  | 4               |
| 47. | Bộ nông niệu đạo                                        | Bộ  | 1               |
| 48. | Bộ soi treo và dụng cụ vi phẫu thanh quản               | Bộ  | 2               |
| 49. | Bơi thuyền tập cho người khuyết tật vận động            | Cái | 1               |
| 50. | Bơm cho bệnh nhân ăn tự động                            | Cái | 20              |
| 51. | Bơm hơi hai chi dưới ngựa thuyền tắc huyết khối         | Cái | 5               |
| 52. | Bơm tiêm cân quang                                      | Cái | 10              |
| 53. | Bơm xịt khô vô trùng                                    | Cái | 2               |
| 54. | Bồn inox rửa chân di động                               | Cái | 1               |
| 55. | Bồn nước nóng căng mô                                   | Cái | 2               |
| 56. | Bồn tắm xoáy                                            | Cái | 1               |
| 57. | Bồn ủ nhiệt                                             | Cái | 1               |
| 58. | Bục tập người liệt hạ chi cho người khuyết tật vận động | Cái | 1               |
| 59. | Buồng đo thính lực                                      | Cái | 1               |
| 60. | Buồng oxy cao áp                                        | Cái | 1               |
| 61. | Cân trẻ sơ sinh                                         | Cái | 11              |
| 62. | Cáng cứu thương đa năng                                 | Cái | 3               |
| 63. | Cánh tay robot trong phẫu thuật                         | Cái | 2               |
| 64. | Cầu thang tập đi cho người khuyết tật vận động          | Cái | 1               |
| 65. | Dàn tập cơ cánh tay cho khuyết tật                      | Cái | 1               |
| 66. | Đèn Bunsen khử trùng que cấy                            | Cái | 2               |
| 67. | Đèn Clar                                                | Cái | 2               |
| 68. | Đèn cực tím                                             | Máy | 2               |
| 69. | Đèn cực tím trị liệu                                    | Cái | 2               |
| 70. | Đèn đọc phim X-Quang                                    | Cái | 90              |

| STT  | CHUNG LOẠI                                                                                         | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 71.  | Đèn khám bệnh                                                                                      | Cái      | 17              |
| 72.  | Đèn khám sản phụ khoa                                                                              | Cái      | 6               |
| 73.  | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                                                                    | Cái      | 5               |
| 74.  | Đèn quang trùng hợp                                                                                | Cái      | 5               |
| 75.  | Đèn soi đáy mắt                                                                                    | Cái      | 10              |
| 76.  | Dụng cụ tập khớp gối tự động                                                                       | Bộ       | 1               |
| 77.  | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đỡ                                                                           | Bộ       | 3               |
| 78.  | Ghế máy nha khoa                                                                                   | Máy      | 13              |
| 79.  | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng                                                   | Cái      | 1175            |
| 80.  | Giường tập vật lý trị liệu                                                                         | Cái      | 1               |
| 81.  | Hệ thống bàn nghiêng                                                                               | Hệ thống | 2               |
| 82.  | Hệ thống cảnh báo an toàn bức xạ                                                                   | Hệ thống | 1               |
| 83.  | Hệ thống điện di PCR mao quản                                                                      | Hệ thống | 1               |
| 84.  | Hệ thống điều trị laser trong lòng mạch                                                            | Hệ thống | 2               |
| 85.  | Hệ thống định danh vi sinh vật bằng dấu ấn phân tử (sử dụng công nghệ phối khối Protein MALDI-TOF) | Hệ thống | 1               |
| 86.  | Hệ thống định vị phẫu thuật                                                                        | Hệ thống | 1               |
| 87.  | Hệ thống ghế tập đa năng toàn thân                                                                 | Hệ thống | 1               |
| 88.  | Hệ thống giải trình tự gen thế hệ mới NGS                                                          | Hệ thống | 1               |
| 89.  | Hệ thống giải trình tự thế hệ mới                                                                  | Hệ thống | 1               |
| 90.  | Hệ thống hóa mô miễn dịch                                                                          | Hệ thống | 1               |
| 91.  | Hệ thống khí y tế                                                                                  | Hệ thống | 1               |
| 92.  | Hệ thống khoan cắt nạo trong phẫu thuật tai mũi họng                                               | Hệ thống | 1               |
| 93.  | Hệ thống khung vén não                                                                             | Hệ thống | 1               |
| 94.  | Hệ thống luyện tập đi đa năng                                                                      | Hệ thống | 2               |
| 95.  | Hệ thống máy xét nghiệm định nhóm máu GelCard                                                      | Hệ thống | 2               |
| 96.  | Hệ thống mổ phaco                                                                                  | Hệ thống | 4               |
| 97.  | Hệ thống nén, hút trung tâm                                                                        | Hệ thống | 4               |
| 98.  | Hệ thống PCR Real Time                                                                             | Hệ thống | 5               |
| 99.  | Hệ thống phòng giác quan thực tế ảo phục hồi chức năng tri giác, nhận thức                         | Hệ thống | 1               |
| 100. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS                                                                | Hệ thống | 1               |
| 101. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS                                                          | Hệ thống | 1               |
| 102. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                                                                    | Hệ thống | 1               |
| 103. | Hệ thống robot tập đi 12 kênh kích thích cơ màn hình thực tế ảo                                    | Hệ thống | 2               |
| 104. | Hệ thống robot tập vận động linh hoạt biofeedback chi trên                                         | Hệ thống | 1               |
| 105. | Hệ thống rửa quả lọc thận                                                                          | Hệ thống | 2               |

| STT  | CHUNG LOẠI                                                                              | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 106. | Hệ thống sinh thiết chân không vú                                                       | Hệ thống | 1               |
| 107. | Hệ thống tách chiết và real time PCR tự động hoàn toàn                                  | Hệ thống | 1               |
| 108. | Hệ thống tập đi hút chân không                                                          | Hệ thống | 1               |
| 109. | Hệ thống tập phục hồi chức năng chi trên, chi dưới                                      | Hệ thống | 1               |
| 110. | Hệ thống tập phục hồi chức năng toàn thân                                               | Hệ thống | 1               |
| 111. | Hệ thống tập thăng bằng                                                                 | Hệ thống | 1               |
| 112. | Hệ thống thiết bị thủy trị liệu tứ chi                                                  | Hệ thống | 1               |
| 113. | Hệ thống truyền máu hoàn hồi                                                            | Hệ thống | 1               |
| 114. | Hệ thống tự động hoàn toàn khoa xét nghiệm                                              | Hệ thống | 2               |
| 115. | Hệ thống tuần hoàn ngoài cơ thể ECMO                                                    | Hệ thống | 3               |
| 116. | Hệ thống vận chuyển mẫu xét nghiệm                                                      | Hệ thống | 2               |
| 117. | Hệ thống xạ trị áp sát liều cao                                                         | Hệ thống | 1               |
| 118. | Hệ thống xét nghiệm Elisa                                                               | Hệ thống | 1               |
| 119. | Hệ thống xét nghiệm FilmArray                                                           | Hệ thống | 1               |
| 120. | Hệ thống xét nghiệm MTB TRC Ready                                                       | Hệ thống | 1               |
| 121. | Hệ thống xử lý nước RO                                                                  | Hệ thống | 6               |
| 122. | Hồ sáp                                                                                  | Cái      | 1               |
| 123. | Khung ngấm trong tái tạo dây chằng chéo                                                 | Cái      | 1               |
| 124. | Kính bốn gương dùng để soi góc tiền phòng                                               | Cái      | 2               |
| 125. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                                                            | Cái      | 15              |
| 126. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính có tích hợp máy chụp ảnh vi thể kỹ thuật số và máy vi tính | Cái      | 1               |
| 127. | Kính hiển vi nhiều người xem                                                            | Cái      | 1               |
| 128. | Kính hiển vi phẫu thuật                                                                 | Cái      | 10              |
| 129. | Kính hiển vi soi phôi và kiểm tra tinh trùng có chụp hình                               | Cái      | 1               |
| 130. | Labo răng giả                                                                           | Hệ thống | 1               |
| 131. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                                                                     | Cái      | 15              |
| 132. | Máy ánh sáng xung điều trị da                                                           | Máy      | 1               |
| 133. | Máy bào da và nhân xơ tử cung                                                           | Máy      | 2               |
| 134. | Máy bào mô                                                                              | Máy      | 1               |
| 135. | Máy bơm bóng đối xung động mạch chủ                                                     | Máy      | 1               |
| 136. | Máy bơm CO2                                                                             | Máy      | 2               |
| 137. | Máy bơm hơi vôi trứng                                                                   | Máy      | 2               |
| 138. | Máy bơm nước trong lấy sỏi thận qua da                                                  | Máy      | 2               |
| 139. | Máy bơm rửa kênh ống soi                                                                | Máy      | 5               |
| 140. | Máy bơm tưới nước dùng trong nội soi                                                    | Máy      | 4               |
| 141. | Máy cao tần giảm đau                                                                    | Máy      | 1               |
| 142. | Máy cạo vôi răng                                                                        | Máy      | 4               |

| STT  | CHUNG LOẠI                                          | ĐVT | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|------|-----------------------------------------------------|-----|-----------------|
| 143. | Máy cắt hút dùng trong phẫu thuật nội mũi xoang     | Máy | 1               |
| 144. | Máy cắt lát vi thể quay tay                         | Máy | 3               |
| 145. | Máy cắt vi phẫu                                     | Máy | 1               |
| 146. | Máy cấy ghép Implant                                | Máy | 1               |
| 147. | Máy cấy máu tự động                                 | Máy | 2               |
| 148. | Máy châm cứu                                        | Máy | 5               |
| 149. | Máy cưa bột                                         | Máy | 1               |
| 150. | Máy cưa xương điện                                  | Máy | 6               |
| 151. | Máy đa ký giấc ngủ                                  | Máy | 1               |
| 152. | Máy đếm chớp sáng lỏng                              | Máy | 1               |
| 153. | Máy đếm khuẩn lạc                                   | Máy | 1               |
| 154. | Máy đếm tế bào nội mô                               | Máy | 1               |
| 155. | Máy điện từ trường kết hợp laser trị liệu           | Máy | 1               |
| 156. | Máy điện từ trường kết hợp xung kích trị liệu       | Máy | 1               |
| 157. | Máy điều trị bằng điện xung                         | Máy | 3               |
| 158. | Máy điều trị bằng dòng giao thoa                    | Máy | 2               |
| 159. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                         | Máy | 2               |
| 160. | Máy điều trị bằng sóng xung kích                    | Máy | 5               |
| 161. | Máy điều trị bằng từ trường                         | Máy | 3               |
| 162. | Máy điều trị chứng khó nuốt                         | Máy | 2               |
| 163. | Máy điều trị giảm đau bằng từ rung - nhiệt trị liệu | Máy | 1               |
| 164. | Máy điều trị hạ thân nhiệt                          | Máy | 2               |
| 165. | Máy điều trị kích thích phát âm                     | Máy | 1               |
| 166. | Máy điều trị laser công suất cao                    | Máy | 1               |
| 167. | Máy điều trị sắc tố da                              | Máy | 1               |
| 168. | Máy điều trị suy giãn tĩnh mạch                     | Máy | 2               |
| 169. | Máy điều trị tủy                                    | Máy | 6               |
| 170. | Máy đo áp lực bàng quang                            | Máy | 2               |
| 171. | Máy đo áp suất thẩm thấu                            | Máy | 2               |
| 172. | Máy đo chiều dài ống tủy/ Máy định vị chóp răng     | Máy | 1               |
| 173. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)               | Máy | 4               |
| 174. | Máy đo chức năng phổi                               | Máy | 1               |
| 175. | Máy đo chức năng tim phổi                           | Máy | 1               |
| 176. | Máy đo công suất thủy tinh thể                      | Máy | 2               |
| 177. | Máy đo cung lượng tim Picco                         | Máy | 10              |
| 178. | Máy đo đầu ứ tim mạch                               | Máy | 3               |
| 179. | Máy đo độ giãn cơ                                   | Máy | 3               |
| 180. | Máy đo Hemoglobin cầm tay                           | Máy | 1               |

| STT  | CHUNG LOẠI                                            | ĐVT | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|------|-------------------------------------------------------|-----|-----------------|
| 181. | Máy đo huyết áp có kèm theo đo sóng mạch              | Máy | 4               |
| 182. | Máy đo huyết áp tứ chi ABI                            | Máy | 7               |
| 183. | Máy dò huyết chân cứu                                 | Máy | 3               |
| 184. | Máy đo huyết động không xâm lấn                       | Máy | 1               |
| 185. | Máy đo huyết sắc tố                                   | Máy | 1               |
| 186. | Máy đo khúc xạ mắt                                    | Máy | 2               |
| 187. | Máy đo khúc xạ và chụp bán phần trước                 | Máy | 1               |
| 188. | Máy đo liều cảnh báo phóng xạ cá nhân                 | Máy | 20              |
| 189. | Máy đo nhãn áp                                        | Máy | 6               |
| 190. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)           | Máy | 35              |
| 191. | Máy đo nồng độ DNA                                    | Máy | 1               |
| 192. | Máy đo rà ô nhiễm phóng xạ                            | Máy | 1               |
| 193. | Máy đo tập trung IOD                                  | Máy | 1               |
| 194. | Máy đo thành phần cơ thể                              | Máy | 1               |
| 195. | Máy đo thị trường                                     | Máy | 1               |
| 196. | Máy đo thính lực/ Máy đo nhĩ lượng                    | Máy | 6               |
| 197. | Máy đóng gói chân không                               | Máy | 9               |
| 198. | Máy đốt gan bằng vi sóng                              | Máy | 2               |
| 199. | Máy đốt radio/nội soi khớp                            | Máy | 1               |
| 200. | Máy ép tim ngoài lồng ngực                            | Máy | 6               |
| 201. | Máy Garo hơi tự động                                  | Máy | 3               |
| 202. | Máy giải trình tự DNA theo phương pháp Sanger         | Máy | 1               |
| 203. | Máy giảm áp lực cột sống, cổ                          | Máy | 1               |
| 204. | Máy hàn dây túi máu                                   | Máy | 2               |
| 205. | Máy hấp tiệt trùng                                    | Máy | 20              |
| 206. | Máy Holter điện tim                                   | Máy | 12              |
| 207. | Máy Holter huyết áp                                   | Máy | 9               |
| 208. | Máy huấn luyện tập hoạt động trị liệu cho bệnh nhân   | Máy | 3               |
| 209. | Máy hút dịch                                          | Máy | 130             |
| 210. | Máy hút dịch liên tục áp lực thấp                     | Máy | 20              |
| 211. | Máy hút thai                                          | Máy | 1               |
| 212. | Máy in phim                                           | Máy | 33              |
| 213. | Máy Javal kế                                          | Máy | 1               |
| 214. | Máy kèm bộ dụng cụ cắt u xơ tuyến tiền liệt lưỡng cực | Máy | 1               |
| 215. | Máy kéo giãn cột sống                                 | Máy | 10              |
| 216. | Máy khí dung siêu âm                                  | Máy | 37              |
| 217. | Máy khoan mài phẫu thuật thần kinh sọ não cột sống    | Máy | 1               |

| STT  | CHUNG LOẠI                                                                        | ĐVT | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------|
| 218. | Máy khoan tai và bộ dụng cụ vi phẫu tai                                           | Máy | 2               |
| 219. | Máy khoan xương điện                                                              | Máy | 5               |
| 220. | Máy khuấy từ                                                                      | Cái | 1               |
| 221. | Máy kích thích điện                                                               | Máy | 2               |
| 222. | Máy kích thích điện cơ                                                            | Máy | 7               |
| 223. | Máy kích thích điện từ trường tần số cao xuyên sọ                                 | Máy | 2               |
| 224. | Máy kích thích điều trị                                                           | Máy | 1               |
| 225. | Máy kích thích thần kinh                                                          | Máy | 5               |
| 226. | Máy kiểm tra rò rỉ ống soi tự động                                                | Máy | 2               |
| 227. | Máy lắc các loại                                                                  | Máy | 8               |
| 228. | Máy làm ấm máu và dịch truyền                                                     | Máy | 8               |
| 229. | Máy laser bán dẫn                                                                 | Máy | 2               |
| 230. | Máy laser CO2                                                                     | Máy | 3               |
| 231. | Máy laser điều trị                                                                | Máy | 3               |
| 232. | Máy laser điều trị da                                                             | Máy | 1               |
| 233. | Máy laser kết hợp từ trường xuyên sọ                                              | Máy | 1               |
| 234. | Máy Laser liệu pháp sóng tần số radio nhắm đích (Targeted radiofrequency therapy) | Máy | 1               |
| 235. | Máy laser nội mạch                                                                | Máy | 3               |
| 236. | Máy laser Q-Switche điều trị sắc tố da liễu                                       | Máy | 1               |
| 237. | Máy laser quang đông võng mạc                                                     | Máy | 1               |
| 238. | Máy laser Thulium mổ u xơ tuyến tiền liệt                                         | Máy | 1               |
| 239. | Máy laser YAG                                                                     | Máy | 1               |
| 240. | Máy lọc máu liên tục                                                              | Máy | 5               |
| 241. | Máy ly tâm các loại                                                               | Máy | 17              |
| 242. | Máy mài răng giả                                                                  | Máy | 2               |
| 243. | Máy mát xa                                                                        | Máy | 12              |
| 244. | Máy nén ép trị liệu                                                               | Máy | 10              |
| 245. | Máy nghe tim thai doppler                                                         | Máy | 20              |
| 246. | Máy nhiệt khí lạnh trị liệu Cryotur Stream                                        | Máy | 2               |
| 247. | Máy nhuộm mô/ tiêu bản                                                            | Máy | 6               |
| 248. | Máy phân tích chất lượng tinh trùng                                               | Máy | 1               |
| 249. | Máy phân tích điện giải                                                           | Máy | 2               |
| 250. | Máy phân tích khí máu                                                             | Máy | 10              |
| 251. | Máy phòng chống huyết khối tĩnh mạch sâu                                          | Máy | 2               |
| 252. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh                                  | Máy | 8               |
| 253. | Máy phun khí dung kết nối máy thở                                                 | Máy | 20              |
| 254. | Máy quét phim nha khoa                                                            | Máy | 2               |
| 255. | Máy rửa đông dùng trong xét nghiệm                                                | Máy | 2               |

| STT  | CHUNG LOẠI                                                | ĐVT | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|------|-----------------------------------------------------------|-----|-----------------|
| 256. | Máy RFA tuyến giáp (Máy cắt đốt khối u bằng sóng cao tần) | Máy | 2               |
| 257. | Máy rửa dạ dày                                            | Máy | 1               |
| 258. | Máy rửa ống nội soi                                       | Máy | 4               |
| 259. | Máy rửa và khử khuẩn dụng cụ                              | Máy | 9               |
| 260. | Máy sấy tiêu bản/ máy sấy lam                             | Máy | 2               |
| 261. | Máy siêu âm điều trị                                      | Máy | 2               |
| 262. | Máy siêu âm trị liệu                                      | Máy | 3               |
| 263. | Máy soi và phân tích da                                   | Máy | 3               |
| 264. | Máy sưởi ẩm bệnh nhân                                     | Máy | 5               |
| 265. | Máy tách chiết DNA/ RNA                                   | Máy | 2               |
| 266. | Máy tán nội soi đường mật                                 | Máy | 2               |
| 267. | Máy tán sỏi                                               | Máy | 10              |
| 268. | Máy tạo nhịp tim                                          | Máy | 10              |
| 269. | Máy tạo nước RO di động dành cho chạy thận                | Máy | 4               |
| 270. | Máy tạo oxy                                               | Máy | 80              |
| 271. | Máy tập cơ lưng và cơ vai                                 | Máy | 1               |
| 272. | Máy tập cơ thẳng bụng và cơ lưng thấp                     | Máy | 1               |
| 273. | Máy tập cường bức cho bàn tay và ngón tay                 | Máy | 2               |
| 274. | Máy tập khớp gối                                          | Máy | 1               |
| 275. | Máy tập phục hồi chức năng cho 2 khớp gối và chân         | Máy | 2               |
| 276. | Máy tẩy trắng răng                                        | Máy | 1               |
| 277. | Máy thẩm phân phúc mạc tự động                            | Máy | 3               |
| 278. | Máy theo dõi áp lực nội sọ                                | Máy | 1               |
| 279. | Máy theo dõi huyết áp lưu động 24 giờ                     | Máy | 4               |
| 280. | Máy theo dõi tưới máu mô                                  | Máy | 2               |
| 281. | Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma             | Máy | 3               |
| 282. | Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ Ethylen oxit (EO)  | Máy | 3               |
| 283. | Máy Treadmil có giá treo                                  | Máy | 3               |
| 284. | Máy ủ nhiệt                                               | Máy | 1               |
| 285. | Máy ủ và đọc chỉ thị sinh học                             | Máy | 4               |
| 286. | Máy vi sóng                                               | Máy | 4               |
| 287. | Máy vui mô                                                | Máy | 2               |
| 288. | Máy xét nghiệm HBA1C                                      | Máy | 2               |
| 289. | Máy xét nghiệm tế bào ung thư cổ tử cung                  | Máy | 1               |
| 290. | Máy xoa bóp trị liệu                                      | Máy | 3               |
| 291. | Máy xử lý mô                                              | Máy | 3               |
| 292. | Nệm hơi                                                   | Cái | 34              |
| 293. | Nồi đun bọc lò kháng nguyên/ Bể đun bọc lò kháng          | Cái | 2               |

| STT  | CHUNG LOẠI                                                   | ĐVT      | SỐ<br>LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|--------------------------------------------------------------|----------|-----------------------|
|      | nguyên                                                       |          |                       |
| 294. | Nôi sơ sinh                                                  | Cái      | 25                    |
| 295. | Phần mềm quản lý thiết bị y tế                               | Hệ thống | 1                     |
| 296. | Súng sinh thiết                                              | Cái      | 1                     |
| 297. | Tay khoan xương điện và phụ kiện                             | Máy      | 1                     |
| 298. | Thiết bị cán da                                              | Máy      | 1                     |
| 299. | Thiết bị điện xung và điện phân trị liệu                     | Máy      | 4                     |
| 300. | Thiết bị điều trị và chăm sóc da bằng ánh sáng xung IPL      | Máy      | 1                     |
| 301. | Thiết bị điều trị vàng da                                    | Máy      | 34                    |
| 302. | Thiết bị đo cường độ ánh sáng của thiết bị điều trị vàng da  | Máy      | 1                     |
| 303. | Thiết bị đo nồng độ bilirubin qua da                         | Máy      | 2                     |
| 304. | Thiết bị khử mùi khử khuẩn làm sạch không khí                | Máy      | 20                    |
| 305. | Thiết bị kích thích cơ đáy chậu (âm đạo, hậu môn)            | Máy      | 1                     |
| 306. | Thiết bị tập đa năng 6 trong 1/ Dàn tập phục hồi chức năng   | Máy      | 1                     |
| 307. | Thiết bị tập gập lưng                                        | Máy      | 1                     |
| 308. | Thiết bị tập khớp vai                                        | Máy      | 1                     |
| 309. | Thiết bị tập phục hồi chức năng cường bức chi trên, chi dưới | Máy      | 2                     |
| 310. | Thùng nấu sáp paraffin/ Bồn đun paraffin trị liệu            | Cái      | 2                     |
| 311. | Tủ an toàn sinh học                                          | Cái      | 10                    |
| 312. | Tủ bảo quản âm sâu                                           | Cái      | 19                    |
| 313. | Tủ bảo quản bệnh phẩm                                        | Cái      | 6                     |
| 314. | Tủ chứa block và lam kính                                    | Cái      | 2                     |
| 315. | Tủ hút khí độc                                               | Cái      | 1                     |
| 316. | Tủ lạnh bảo quản 4-8 độ                                      | Cái      | 40                    |
| 317. | Tủ lạnh bảo quản tử thi                                      | Cái      | 6                     |
| 318. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất                          | Cái      | 10                    |
| 319. | Tủ lạnh trữ máu                                              | Cái      | 8                     |
| 320. | Tủ nuôi cấy                                                  | Cái      | 4                     |
| 321. | Tủ sấy các loại                                              | Cái      | 7                     |
| 322. | Xe đạp lực kế                                                | Cái      | 2                     |
| 323. | Xe đẩy tử thi                                                | Cái      | 3                     |

**PHỤ LỤC II**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA**  
**THỐNG NHẤT**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày      tháng      năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                             | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 1.  | Máy X-quang nhũ                                        | Máy      | 1               |
| 2.  | Máy X-quang quanh chóp                                 | Máy      | 2               |
| 3.  | Máy X-quang răng                                       | Máy      | 1               |
| 4.  | Máy chụp toàn cảnh đo sọ chụp cắt lớp (CT conebeam)    | Máy      | 1               |
| 5.  | Máy siêu âm doppler mạch máu                           | Máy      | 5               |
| 6.  | Máy siêu âm định lượng gan                             | Máy      | 2               |
| 7.  | Máy siêu âm trong lòng mạch IVUS                       | Máy      | 2               |
| 8.  | Máy siêu âm xách tay                                   | Máy      | 5               |
| 9.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                       | Hệ thống | 14              |
| 10. | Máy xét nghiệm huyết học các loại                      | Hệ thống | 11              |
| 11. | Hệ thống monitor trung tâm                             | Hệ thống | 3               |
| 12. | Máy điện cơ                                            | Máy      | 3               |
| 13. | Máy điện tim gắng sức                                  | Máy      | 3               |
| 14. | Bàn đóng gói dụng cụ                                   | Cái      | 19              |
| 15. | Bàn khám niệu khoa                                     | Cái      | 2               |
| 16. | Bàn phân loại dụng cụ có bánh xe đẩy                   | Cái      | 30              |
| 17. | Bàn sanh, khám sản khoa                                | Cái      | 20              |
| 18. | Bàn sưởi ấm, hồi sức sơ sinh                           | Cái      | 12              |
| 19. | Bàn tập phục hồi chức năng                             | Cái      | 4               |
| 20. | Bàn vật lý trị liệu và phục hồi chức năng              | Cái      | 5               |
| 21. | Bể điều nhiệt/cách thủy                                | Cái      | 4               |
| 22. | Bình ky khí                                            | Cái      | 2               |
| 23. | Bộ đặt nội khí quản                                    | Bộ       | 90              |
| 24. | Bộ đặt nội khí quản khó                                | Bộ       | 3               |
| 25. | Bộ đặt nội khí quản khó có camera                      | Bộ       | 2               |
| 26. | Bộ đặt nội khí quản nhi/ sơ sinh                       | Bộ       | 4               |
| 27. | Bộ dụng cụ chì sử dụng cho các phòng bức xạ tia X      | Bộ       | 20              |
| 28. | Bộ dụng cụ mắt các loại                                | Bộ       | 12              |
| 29. | Bộ dụng cụ mở khí quản                                 | Bộ       | 5               |
| 30. | Bộ dụng cụ nhuộm tay                                   | Bộ       | 2               |
| 31. | Bộ dụng cụ phẫu thuật các loại                         | Bộ       | 90              |
| 32. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt u xơ buồng tử cung lưỡng cực | Bộ       | 2               |

| STT | CHUNG LOẠI                                                                     | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 33. | Bộ dụng cụ phẫu thuật chi trên và chi dưới                                     | Bộ       | 6                  |
| 34. | Bộ dụng cụ phẫu thuật mạch vành                                                | Bộ       | 3                  |
| 35. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi u xơ tuyến tiền liệt<br>lưỡng cực đường kính nhỏ | Bộ       | 2                  |
| 36. | Bộ dụng cụ phẫu thuật tim nội soi                                              | Bộ       | 4                  |
| 37. | Bộ dụng cụ phẫu thuật tim tổng quát                                            | Bộ       | 4                  |
| 38. | Bộ dụng cụ tháo nẹp vít đa năng                                                | Bộ       | 8                  |
| 39. | Bộ dụng cụ tiểu phẫu                                                           | Bộ       | 40                 |
| 40. | Bộ khoan pin y khoa                                                            | Bộ       | 10                 |
| 41. | Bộ khung kéo sườn gan - mật - tụy                                              | Bộ       | 3                  |
| 42. | Bộ kính thử thị lực                                                            | Bộ       | 8                  |
| 43. | Bộ Micropipette                                                                | Bộ       | 40                 |
| 44. | Bộ nội soi cổ tay                                                              | Bộ       | 6                  |
| 45. | Bộ nội soi mini tương thích các vị trí của các khớp<br>nhỏ.                    | Bộ       | 3                  |
| 46. | Bộ nội soi ruột non                                                            | Bộ       | 1                  |
| 47. | Bộ phẫu thuật bàn tay                                                          | Bộ       | 6                  |
| 48. | Bơm cho bệnh nhân ăn tự động                                                   | Cái      | 3                  |
| 49. | Bồn nước nóng căng mô                                                          | Cái      | 3                  |
| 50. | Bồn rửa tay phẫu thuật các loại                                                | Cái      | 38                 |
| 51. | Cáng cứu thương đa năng                                                        | Cái      | 38                 |
| 52. | Đèn Bunsen khử trùng que cấy                                                   | Cái      | 2                  |
| 53. | Đèn cực tím                                                                    | Cái      | 70                 |
| 54. | Đèn đội đầu vi phẫu                                                            | Cái      | 5                  |
| 55. | Đèn khám tiểu phẫu ánh sáng lạnh                                               | Cái      | 20                 |
| 56. | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                                                | Cái      | 20                 |
| 57. | Đèn soi gãy nứt dụng cụ                                                        | Cái      | 6                  |
| 58. | Đèn tiểu phẫu                                                                  | Cái      | 10                 |
| 59. | Dụng cụ mang Clip                                                              | Cái      | 5                  |
| 60. | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đỡ                                                       | Bộ       | 20                 |
| 61. | Ghế cấp cứu 4 động cơ                                                          | Cái      | 5                  |
| 62. | Ghế khám tai mũi họng                                                          | Cái      | 4                  |
| 63. | Ghế máy nha khoa                                                               | Máy      | 15                 |
| 64. | Ghế truyền dịch                                                                | Cái      | 5                  |
| 65. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng                               | Cái      | 1200               |
| 66. | Giường chiếu đèn 2 mặt                                                         | Cái      | 4                  |
| 67. | Giường vật lý trị liệu                                                         | Cái      | 5                  |
| 68. | Giường xiên quay tập đứng                                                      | Cái      | 9                  |
| 69. | Hệ thống bàn đóng gói dụng cụ                                                  | Hệ thống | 9                  |
| 70. | Hệ thống bàn nghiêng                                                           | Hệ thống | 5                  |
| 71. | Hệ thống banh ven não                                                          | Hệ thống | 3                  |
| 72. | Hệ thống báo gọi y tá                                                          | Hệ thống | 2                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                                                                                 | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 73.  | Hệ thống bồn ngâm rửa dụng cụ                                                                              | Hệ thống | 8                  |
| 74.  | Hệ thống bồn pha chế dịch lọc A, B                                                                         | Hệ thống | 6                  |
| 75.  | Hệ thống bồn rửa và ngâm dụng cụ                                                                           | HT       | 8                  |
| 76.  | Hệ thống cấp khí siêu sạch áp lực dương                                                                    | Hệ thống | 5                  |
| 77.  | Hệ thống chia và đóng gói thuốc tự động                                                                    | Hệ thống | 3                  |
| 78.  | Hệ thống điện tim gắng sức thăm lặn                                                                        | Hệ thống | 1                  |
| 79.  | Hệ thống điều hòa trung tâm thông khí áp lực dương                                                         | Hệ thống | 4                  |
| 80.  | Hệ thống định vị phẫu thuật                                                                                | Hệ thống | 1                  |
| 81.  | Hệ thống giải trình tự thế hệ mới                                                                          | Hệ thống | 1                  |
| 82.  | Hệ thống hóa mô miễn dịch                                                                                  | Hệ thống | 2                  |
| 83.  | Hệ thống kệ, giá inox chứa hộp, rổ đựng dụng cụ, vật tư tiệt khuẩn.                                        | Hệ thống | 10                 |
| 84.  | Hệ thống khảo sát cắt đốt điện sinh lý có chức năng lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim | Hệ thống | 3                  |
| 85.  | Hệ thống khí y tế                                                                                          | Hệ thống | 5                  |
| 86.  | Hệ thống khoan xương tai mũi họng và răng hàm mặt                                                          | Hệ thống | 2                  |
| 87.  | Hệ thống khoan, cưa, mài các loại                                                                          | Hệ thống | 15                 |
| 88.  | Hệ thống khử khuẩn môi trường                                                                              | Hệ thống | 20                 |
| 89.  | Hệ thống máy đốt chuyên cho cắt hớt niêm mạc dùng cho ung thư giai đoạn sớm                                | Hệ thống | 2                  |
| 90.  | Hệ thống máy Holter điện tim                                                                               | Hệ thống | 1                  |
| 91.  | Hệ thống máy hút, nén trung tâm                                                                            | Hệ thống | 3                  |
| 92.  | Hệ thống mô phaco                                                                                          | Hệ thống | 3                  |
| 93.  | Hệ thống ngâm kẹp mẫu castset và tích hợp bộ làm lạnh nhanh                                                | Hệ thống | 2                  |
| 94.  | Hệ thống oxy cao áp                                                                                        | Hệ thống | 3                  |
| 95.  | Hệ thống PCR Real Time                                                                                     | Hệ thống | 1                  |
| 96.  | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS                                                                        | Hệ thống | 1                  |
| 97.  | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS                                                                  | Hệ thống | 1                  |
| 98.  | Hệ thống quản lý và bơm dung dịch khử khuẩn tự động                                                        | Hệ thống | 3                  |
| 99.  | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                                                                            | Hệ thống | 1                  |
| 100. | Hệ thống rửa dụng cụ phẫu thuật                                                                            | Hệ thống | 5                  |
| 101. | Hệ thống súng phun xịt có 8 đầu phun.                                                                      | Hệ thống | 5                  |
| 102. | Hệ thống tạo lập bản đồ điện tim 3 chiều                                                                   | Hệ thống | 2                  |
| 103. | Hệ thống thu thập, xử lý tế bào gốc                                                                        | Hệ thống | 1                  |
| 104. | Hệ thống truyền máu hoàn hồi                                                                               | Hệ thống | 2                  |
| 105. | Hệ thống tuần hoàn ngoài cơ thể ECMO                                                                       | Hệ thống | 2                  |
| 106. | Hệ thống Western-blotting                                                                                  | Hệ thống | 1                  |
| 107. | Hệ thống xử lý nước RO                                                                                     | Hệ thống | 8                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                                                              | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 108. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                                                            | Cái | 20                 |
| 109. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính có tích hợp máy chụp ảnh vi thể kỹ thuật số và máy vi tính | Cái | 1                  |
| 110. | Kính hiển vi nhiều người xem                                                            | Cái | 3                  |
| 111. | Kính hiển vi phẫu thuật                                                                 | Cái | 4                  |
| 112. | Lồng ấp dưỡng nhi                                                                       | Cái | 3                  |
| 113. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                                                                     | Cái | 20                 |
| 114. | Máy áp lạnh cổ tử cung                                                                  | Máy | 5                  |
| 115. | Máy bào da                                                                              | Máy | 4                  |
| 116. | Máy bào ổ khớp                                                                          | Máy | 3                  |
| 117. | Máy bơm bóng đối xung động mạch chủ                                                     | Máy | 3                  |
| 118. | Máy bơm dịch ổ khớp                                                                     | Máy | 3                  |
| 119. | Máy bơm tràn khí CO2                                                                    | Máy | 20                 |
| 120. | Máy cạo vôi răng                                                                        | Máy | 10                 |
| 121. | Máy cắt đốt khối u bằng sóng cao tần                                                    | Máy | 2                  |
| 122. | Máy cắt đốt tiểu phẫu thẩm mỹ và da liễu bằng tần số radio (RF)                         | Máy | 2                  |
| 123. | Máy cắt đốt TMH bằng tần số radio (RF)                                                  | Máy | 2                  |
| 124. | Máy cắt lọc siêu âm tần số thấp                                                         | Máy | 1                  |
| 125. | Máy cắt mỏng                                                                            | Máy | 2                  |
| 126. | Máy cắt vi phẫu                                                                         | Máy | 2                  |
| 127. | Máy cấy máu tự động                                                                     | Máy | 2                  |
| 128. | Máy chung cách thủy                                                                     | Máy | 2                  |
| 129. | Máy chụp cắt lớp quang học OCT                                                          | Máy | 1                  |
| 130. | Máy chụp đáy mắt huỳnh quang                                                            | Máy | 1                  |
| 131. | Máy cưa bột                                                                             | Máy | 3                  |
| 132. | Máy đếm khuẩn lạc                                                                       | Máy | 2                  |
| 133. | Máy điện trị liệu điều trị tập tập nuốt                                                 | Máy | 7                  |
| 134. | Máy điều trị bằng điện từ trường                                                        | Máy | 8                  |
| 135. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                                                             | Máy | 7                  |
| 136. | Máy điều trị bằng sóng xung kích                                                        | Máy | 7                  |
| 137. | Máy điều trị hạ thân nhiệt không xâm lấn + thiết bị theo dõi chức năng não aEEG         | Máy | 1                  |
| 138. | Máy điều trị suy giãn tĩnh mạch bằng sóng cao tần (RFA)                                 | Máy | 2                  |
| 139. | Máy điều trị tắc sữa                                                                    | Máy | 3                  |
| 140. | Máy đo chỉ số khối cơ thể                                                               | Máy | 1                  |
| 141. | Máy đo chiều dài ống tủy/ Máy định vị chóp răng                                         | Máy | 4                  |
| 142. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)                                                   | Máy | 5                  |
| 143. | Máy đo chức năng hô hấp, DLCO, MBW, FRC, TLC                                            | Máy | 2                  |
| 144. | Máy đo cung lượng tim Picco                                                             | Máy | 1                  |
| 145. | Máy đo độ trong kính bằng tay                                                           | Máy | 3                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                        | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|---------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 146. | Máy đo huyết động không xâm lấn                   | Máy | 2                  |
| 147. | Máy đo khúc xạ mắt                                | Máy | 2                  |
| 148. | Máy đo niệu động đồ                               | Máy | 1                  |
| 149. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)       | Máy | 95                 |
| 150. | Máy đo nồng độ oxy mô                             | Máy | 10                 |
| 151. | Máy đo oxy tại não                                | Máy | 5                  |
| 152. | Máy đo SpO2 loại để bàn cho nhi sơ sinh           | Máy | 6                  |
| 153. | Máy đo thị trường                                 | Máy | 2                  |
| 154. | Máy đo thính lực/ Máy đo nhĩ lượng                | Máy | 3                  |
| 155. | Máy đóng gói chân không                           | Máy | 8                  |
| 156. | Máy đốt cổ tử cung                                | Máy | 4                  |
| 157. | Máy đốt lạnh sinh thiết phổi                      | Máy | 2                  |
| 158. | Máy đúc vùi mô có bàn lạnh                        | Máy | 2                  |
| 159. | Máy ép tim ngoài lồng ngực                        | Máy | 3                  |
| 160. | Máy Garo hơi tự động                              | Máy | 3                  |
| 161. | Máy giải trình tự ABI                             | Máy | 1                  |
| 162. | Máy giải trình tự thế hệ mới Illumina/Ion Torrent | Máy | 1                  |
| 163. | Máy hàn dây túi máu                               | Máy | 4                  |
| 164. | Máy hàn túi có in mã vạch                         | Cái | 4                  |
| 165. | Máy hấp tiệt trùng                                | Máy | 25                 |
| 166. | Máy Holter điện tim                               | Máy | 4                  |
| 167. | Máy Holter huyết áp                               | Máy | 4                  |
| 168. | Máy hút dịch                                      | Máy | 50                 |
| 169. | Máy hút dịch liên tục áp lực thấp                 | Máy | 38                 |
| 170. | Máy hút điều trị vết thương                       | Máy | 15                 |
| 171. | Máy in phim                                       | Máy | 47                 |
| 172. | Máy Javal kế                                      | Máy | 2                  |
| 173. | Máy kéo giãn cột sống                             | Máy | 3                  |
| 174. | Máy khắc mã vạch laser dụng cụ                    | Máy | 1                  |
| 175. | Máy khí dung siêu âm                              | Máy | 5                  |
| 176. | Máy khoan cắt nạo VA Hummer và dao mổ plasma      | Máy | 2                  |
| 177. | Máy kích thích điều trị                           | Máy | 10                 |
| 178. | Máy kích thích thần kinh                          | Máy | 6                  |
| 179. | Máy lắc các loại                                  | Máy | 6                  |
| 180. | Máy làm ấm máu và dịch truyền                     | Máy | 15                 |
| 181. | Máy laser bán dẫn                                 | Máy | 15                 |
| 182. | Máy laser cường độ cao                            | Máy | 1                  |
| 183. | Máy laser lasotronix                              | Máy | 1                  |
| 184. | Máy laser nội mạch                                | Máy | 20                 |
| 185. | Máy laser quang đông võng mạc                     | Máy | 1                  |
| 186. | Máy laser YAG                                     | Máy | 2                  |
| 187. | Máy lọc máu liên tục                              | Máy | 8                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                                | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|-----------------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 188. | Máy ly tâm các loại                                       | Máy | 25                 |
| 189. | Máy Monitor đo áp lực                                     | Máy | 1                  |
| 190. | Máy nén khí không dầu                                     | Máy | 2                  |
| 191. | Máy nghe tim thai doppler                                 | Máy | 30                 |
| 192. | Máy nhuộm mô/ tiêu bản                                    | Máy | 3                  |
| 193. | Máy nội nha                                               | Máy | 4                  |
| 194. | Máy nội soi lệ quản                                       | Máy | 1                  |
| 195. | Máy nội soi niệu quản – thận mềm                          | Máy | 1                  |
| 196. | Máy nội soi siêu âm                                       | Máy | 1                  |
| 197. | Máy phân tích khí máu                                     | Máy | 4                  |
| 198. | Máy phân tích tế bào dòng chảy                            | Máy | 1                  |
| 199. | Máy phân tích thành phần cơ thể                           | Máy | 5                  |
| 200. | Máy phun khí dung                                         | Máy | 35                 |
| 201. | Máy RFA tuyến giáp (Máy cắt đốt khối u bằng sóng cao tần) | Máy | 1                  |
| 202. | Máy rửa ống nội soi                                       | Máy | 7                  |
| 203. | Máy rửa và khử khuẩn dụng cụ                              | Máy | 20                 |
| 204. | Máy rửa xe vận chuyển dụng cụ                             | Máy | 2                  |
| 205. | Máy sắc thuốc và đóng gói                                 | Máy | 6                  |
| 206. | Máy sấy tiêu bản/ máy sấy lam                             | Máy | 3                  |
| 207. | Máy siêu âm điều trị                                      | Máy | 8                  |
| 208. | Máy siêu âm mắt A-B                                       | Máy | 4                  |
| 209. | Máy sinh thiết vú                                         | Máy | 1                  |
| 210. | Máy sưởi ấm bệnh nhân                                     | Máy | 1                  |
| 211. | Máy tách chiết DNA/ RNA                                   | Máy | 2                  |
| 212. | Máy tán sỏi                                               | Máy | 7                  |
| 213. | Máy tạo nhịp tim                                          | Máy | 4                  |
| 214. | Máy tạo oxy                                               | Máy | 25                 |
| 215. | Máy tập dáng đi thụ động                                  | Máy | 8                  |
| 216. | Máy thăm phân phức mạc tự động                            | Máy | 4                  |
| 217. | Máy tiệt khuẩn để bàn                                     | Máy | 2                  |
| 218. | Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma             | Máy | 6                  |
| 219. | Máy trộn dịch tự động A-B                                 | Máy | 6                  |
| 220. | Máy ủ và đọc chỉ thị sinh học                             | Máy | 5                  |
| 221. | Máy vi sóng                                               | Máy | 6                  |
| 222. | Máy vùi mô                                                | Máy | 2                  |
| 223. | Máy xay mô bướu lành tuyến tiền liệt sau khi bóc nhân     | Máy | 1                  |
| 224. | Máy xét nghiệm vi sinh các loại                           | Máy | 15                 |
| 225. | Máy xông thuốc các loại                                   | Máy | 3                  |
| 226. | Máy xử lý mô                                              | Máy | 2                  |
| 227. | Mô hình cấp cứu, đặt nội khí quản                         | Cái | 5                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                              | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|---------------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 228. | Phần mềm quản lý dụng cụ                                | Cái | 1                  |
| 229. | Sinh hiển vi phẫu thuật                                 | Cái | 1                  |
| 230. | Thiết bị điều trị và chăm sóc da bằng ánh sáng xung IPL | Máy | 1                  |
| 231. | Thiết bị điều trị vàng da                               | Máy | 15                 |
| 232. | Thiết bị đo nồng độ bilirubin qua da                    | Máy | 4                  |
| 233. | Thiết bị khử mùi khử khuẩn làm sạch không khí           | Máy | 34                 |
| 234. | Thiết bị làm ấm khối hồng cầu và xả đông huyết tương    | Máy | 2                  |
| 235. | Thiết bị rửa dụng cụ bằng siêu âm                       | Máy | 5                  |
| 236. | Thiết bị trị liệu                                       | Máy | 20                 |
| 237. | Thùng nấu sáp paraffin/ Bồn đun paraffin trị liệu       | Cái | 4                  |
| 238. | Tủ ấm các loại                                          | Cái | 6                  |
| 239. | Tủ an toàn sinh học                                     | Cái | 12                 |
| 240. | Tủ bảo quản âm sâu                                      | Cái | 8                  |
| 241. | Tủ bảo quản bệnh phẩm                                   | Cái | 5                  |
| 242. | Tủ bảo quản ống nội soi                                 | Cái | 5                  |
| 243. | Tủ đựng dụng cụ                                         | Cái | 50                 |
| 244. | Tủ đựng thuốc/ vật tư các loại                          | Cái | 50                 |
| 245. | Tủ lạnh bảo quản tử thi                                 | Cái | 4                  |
| 246. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất                     | Cái | 10                 |
| 247. | Tủ lạnh trữ máu                                         | Cái | 4                  |
| 248. | Tủ quản lý thuốc thông minh                             | Cái | 15                 |
| 249. | Tủ quản lý vật tư thông minh                            | Cái | 15                 |
| 250. | Tủ sấy các loại                                         | Cái | 15                 |
| 251. | Tủ treo ống nội soi mềm                                 | Cái | 3                  |
| 252. | Tủ vận chuyển hộp dụng cụ                               | Cái | 50                 |
| 253. | Tủ vô trùng cấy vi sinh                                 | Cái | 2                  |
| 254. | Xe đẩy các loại                                         | Cái | 70                 |
| 255. | Xe đẩy thức ăn                                          | Cái | 5                  |
| 256. | Xe vận chuyển bệnh nhân đa năng                         | Cái | 20                 |
| 257. | Xe vận chuyển dụng cụ                                   | Cái | 30                 |

**PHỤ LỤC III**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI**  
*(Đính kèm Quyết định số           /QĐ-SYT ngày    tháng    năm 2023 của Sở Y tế)*

| STT | SỐ LƯỢNG                                          | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|-----|---------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 1.  | Máy siêu âm xách tay                              | Máy      | 4               |
| 2.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                  | Hệ thống | 9               |
| 3.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                 | Hệ thống | 11              |
| 4.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                 | Máy      | 6               |
| 5.  | Hệ thống monitor trung tâm                        | Hệ thống | 3               |
| 6.  | Bảng chiếu thị lực                                | Cái      | 4               |
| 7.  | Bể điều nhiệt/cách thủy                           | Cái      | 5               |
| 8.  | Bộ banh tự động                                   | Bộ       | 14              |
| 9.  | Bộ bình dẫn lưu màng phổi                         | Bộ       | 4               |
| 10. | Bộ chấp lẹo                                       | Bộ       | 6               |
| 11. | Bộ đặt nội khí quản                               | Bộ       | 45              |
| 12. | Bộ đặt nội khí quản nhi/ sơ sinh                  | Bộ       | 45              |
| 13. | Bộ đo nhãn áp                                     | Bộ       | 5               |
| 14. | Bộ đo nồng độ khí mê                              | Bộ       | 3               |
| 15. | Bộ dụng cụ chỉ sử dụng cho các phòng bức xạ tia x | Bộ       | 10              |
| 16. | Bộ dụng cụ đại phẫu                               | Bộ       | 8               |
| 17. | Bộ dụng cụ gấp dị vật đường thở                   | Bộ       | 4               |
| 18. | Bộ dụng cụ khám răng hàm mặt                      | Bộ       | 2               |
| 19. | Bộ dụng cụ khâu mini (mổ sút môi)                 | Bộ       | 4               |
| 20. | Bộ dụng cụ mở khí quản                            | Bộ       | 2               |
| 21. | Bộ dụng cụ nhổ răng                               | Bộ       | 4               |
| 22. | Bộ dụng cụ nội soi phẫu thuật ổ bụng trẻ em       | Bộ       | 8               |
| 23. | Bộ dụng cụ nội soi phế quản                       | Bộ       | 2               |
| 24. | Bộ dụng cụ phẫu thuật các loại                    | Bộ       | 4               |
| 25. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt amidan, nạo VA          | Bộ       | 10              |
| 26. | Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình      | Bộ       | 5               |
| 27. | Bộ dụng cụ phẫu thuật hàm ếch                     | Bộ       | 4               |
| 28. | Bộ dụng cụ phẫu thuật khe hở môi                  | Bộ       | 3               |
| 29. | Bộ dụng cụ phẫu thuật khe hở vòm                  | Bộ       | 3               |
| 30. | Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực                   | Bộ       | 3               |
| 31. | Bộ dụng cụ phẫu thuật mũi xoang                   | Bộ       | 3               |
| 32. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nhi và sơ sinh              | Bộ       | 7               |
| 33. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng              | Bộ       | 5               |
| 34. | Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt                | Bộ       | 2               |
| 35. | Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng                | Bộ       | 6               |

| STT | SỐ LƯỢNG                                         | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 36. | Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh cột sống         | Bộ       | 3                  |
| 37. | Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh sọ não           | Bộ       | 5                  |
| 38. | Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu                  | Bộ       | 8                  |
| 39. | Bộ dụng cụ phẫu thuật tổng quát                  | Bộ       | 3                  |
| 40. | Bộ dụng cụ phẫu thuật vá nhĩ                     | Bộ       | 3                  |
| 41. | Bộ dụng cụ Shunt sọ não                          | Bộ       | 4                  |
| 42. | Bộ dụng cụ soi gấp dị vật thực quản              | Bộ       | 3                  |
| 43. | Bộ dụng cụ sút môi                               | Bộ       | 4                  |
| 44. | Bộ dụng cụ thanh khí phế quản                    | Bộ       | 4                  |
| 45. | Bộ dụng cụ tiểu phẫu                             | Bộ       | 13                 |
| 46. | Bộ dụng cụ trung phẫu                            | Bộ       | 7                  |
| 47. | Bộ dụng cụ vi phẫu                               | Bộ       | 12                 |
| 48. | Bộ khoan mô tai                                  | Bộ       | 3                  |
| 49. | Bộ kính thử thị lực                              | Bộ       | 2                  |
| 50. | Bộ lệ đạo                                        | Bộ       | 5                  |
| 51. | Bộ Micropipette                                  | Bộ       | 70                 |
| 52. | Bộ mổ cườm mắt                                   | Bộ       | 3                  |
| 53. | Bộ nhãn móng mắt                                 | Bộ       | 3                  |
| 54. | Bộ phẫu thuật dò luân nhĩ                        | Bộ       | 7                  |
| 55. | Bộ sinh thiết hút trực tràng                     | Bộ       | 2                  |
| 56. | Bộ thoát vị bẹn                                  | Bộ       | 20                 |
| 57. | Bộ vá mí mắt                                     | Bộ       | 3                  |
| 58. | Bồn rửa tay phẫu thuật các loại                  | Cái      | 23                 |
| 59. | Bồn tắm trẻ sơ sinh tự động                      | Cái      | 8                  |
| 60. | Cáng cứu thương đa năng                          | Cái      | 1                  |
| 61. | Đèn Bunsen khử trùng que cấy                     | Cái      | 2                  |
| 62. | Đèn Clar                                         | Cái      | 10                 |
| 63. | Đèn cực tím                                      | Cái      | 2                  |
| 64. | Đèn đội đầu vi phẫu                              | Cái      | 5                  |
| 65. | Đèn đốt khuyên cấy vi sinh                       | Cái      | 3                  |
| 66. | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                  | Cái      | 5                  |
| 67. | Đèn soi đáy mắt                                  | Cái      | 20                 |
| 68. | Đèn soi mắt gián tiếp                            | Cái      | 3                  |
| 69. | Dụng cụ cán da                                   | Cái      | 6                  |
| 70. | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đỡ                         | Bộ       | 1                  |
| 71. | Ghế máy nha khoa                                 | Máy      | 6                  |
| 72. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng | Cái      | 1370               |
| 73. | Giường kéo giãn cột sống                         | Cái      | 3                  |
| 74. | Giường sưởi ấm trẻ sơ sinh                       | Cái      | 32                 |
| 75. | Hệ thống định vị phẫu thuật                      | Hệ thống | 1                  |
| 76. | Hệ thống khí y tế                                | Hệ thống | 6                  |
| 77. | Hệ thống khoan, cưa, mài các loại                | Hệ thống | 14                 |

| STT  | SỐ LƯỢNG                                                                                           | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 78.  | Hệ thống laser nhãn khoa cho trẻ sơ sinh                                                           | Hệ thống | 2               |
| 79.  | Hệ thống NCPAP                                                                                     | Hệ thống | 200             |
| 80.  | Hệ thống oxy cao áp                                                                                | Hệ thống | 1               |
| 81.  | Hệ thống PCR Real Time                                                                             | Hệ thống | 1               |
| 82.  | Hệ thống phân phối và theo dõi khí NO                                                              | Hệ thống | 4               |
| 83.  | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS                                                                | Hệ thống | 1               |
| 84.  | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS                                                          | Hệ thống | 1               |
| 85.  | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                                                                    | Hệ thống | 1               |
| 86.  | Hệ thống robot trị liệu phục hồi chức năng hỗ trợ bệnh nhân tập đi (Chuyên dùng cho bệnh nhân nhi) | Hệ thống | 1               |
| 87.  | Hệ thống tắm bóng                                                                                  | Hệ thống | 2               |
| 88.  | Hệ thống tuần hoàn ngoài cơ thể ECMO                                                               | Hệ thống | 2               |
| 89.  | Khung cố định đầu                                                                                  | Cái      | 2               |
| 90.  | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                                                                       | Cái      | 14              |
| 91.  | Kính hiển vi 02 đầu thị kính có tích hợp máy chụp ảnh vi thể kỹ thuật số và máy vi tính            | Cái      | 4               |
| 92.  | Kính hiển vi phẫu thuật                                                                            | Cái      | 4               |
| 93.  | Kính lúp đội đầu                                                                                   | Cái      | 3               |
| 94.  | Kính lúp phẫu thuật                                                                                | Cái      | 4               |
| 95.  | Lồng ấp trẻ sơ sinh                                                                                | Cái      | 40              |
| 96.  | Máy bào da                                                                                         | Máy      | 5               |
| 97.  | Máy cấy máu tự động                                                                                | Máy      | 5               |
| 98.  | Máy cưa bột                                                                                        | Máy      | 6               |
| 99.  | Máy đặt ống nội khí quản có hình ảnh chỉ dẫn                                                       | Máy      | 3               |
| 100. | Máy điện di                                                                                        | Máy      | 3               |
| 101. | Máy điều trị hạ thân nhiệt                                                                         | Máy      | 5               |
| 102. | Máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ                                                            | Máy      | 2               |
| 103. | Máy định nhóm máu các loại                                                                         | Máy      | 4               |
| 104. | Máy đo áp lực nội sọ                                                                               | Máy      | 2               |
| 105. | Máy đo chiều dài ống tủy/ Máy định vị chóp răng                                                    | Máy      | 2               |
| 106. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)                                                              | Máy      | 2               |
| 107. | Máy đo cung lượng tim Picco                                                                        | Máy      | 8               |
| 108. | Máy đo độ đục                                                                                      | Máy      | 1               |
| 109. | Máy đo độ giãn cơ                                                                                  | Máy      | 2               |
| 110. | Máy đo độ kính                                                                                     | Máy      | 3               |
| 111. | Máy đo đường huyết các loại                                                                        | Máy      | 34              |
| 112. | Máy đo FeNo                                                                                        | Máy      | 2               |
| 113. | Máy đo khúc xạ mắt                                                                                 | Máy      | 3               |
| 114. | Máy đo kính tự động                                                                                | Máy      | 3               |
| 115. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)                                                        | Máy      | 85              |
| 116. | Máy đo thính lực/ Máy đo nhĩ lượng                                                                 | Máy      | 7               |
| 117. | Máy đo tốc độ lắng máu                                                                             | Máy      | 4               |

| STT  | SỐ LƯỢNG                                           | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|----------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 118. | Máy đo tròng kính                                  | Máy | 3                  |
| 119. | Máy đọc kết quả sinh học tự động                   | Máy | 2                  |
| 120. | Máy đóng gói chân không                            | Máy | 3                  |
| 121. | Máy đốt chồi rốn                                   | Máy | 7                  |
| 122. | Máy ép tim ngoài lồng ngực                         | Máy | 4                  |
| 123. | Máy hàn dây túi máu                                | Máy | 2                  |
| 124. | Máy hấp tiệt trùng                                 | Máy | 19                 |
| 125. | Máy Holter điện tim                                | Máy | 4                  |
| 126. | Máy Holter huyết áp                                | Máy | 4                  |
| 127. | Máy hút dịch                                       | Máy | 31                 |
| 128. | Máy hút dịch liên tục áp lực thấp                  | Máy | 20                 |
| 129. | Máy in phim                                        | Máy | 12                 |
| 130. | Máy khí dung siêu âm                               | Máy | 5                  |
| 131. | Máy khoan cắt nạo VA Hummer và dao mổ plasma       | Máy | 1                  |
| 132. | Máy khoan mài phẫu thuật thần kinh sọ não cột sống | Máy | 8                  |
| 133. | Máy khoan tai mũi họng                             | Máy | 3                  |
| 134. | Máy kích cơ                                        | Máy | 2                  |
| 135. | Máy kích thích điều trị                            | Máy | 2                  |
| 136. | Máy kích thích thần kinh                           | Máy | 1                  |
| 137. | Máy lắc các loại                                   | Máy | 4                  |
| 138. | Máy làm ấm máu và dịch truyền                      | Máy | 20                 |
| 139. | Máy laser CO2                                      | Máy | 3                  |
| 140. | Máy laser hồng ngoại                               | Máy | 2                  |
| 141. | Máy lọc máu liên tục                               | Máy | 10                 |
| 142. | Máy ly tâm các loại                                | Máy | 30                 |
| 143. | Máy phân tích điện giải                            | Máy | 4                  |
| 144. | Máy phân tích khí máu                              | Máy | 8                  |
| 145. | Máy phẫu thuật cắt xương răng hàm mặt              | Máy | 1                  |
| 146. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh   | Máy | 5                  |
| 147. | Máy phun khí dung                                  | Máy | 27                 |
| 148. | Máy rót/ phân phối môi trường                      | Máy | 2                  |
| 149. | Máy rửa và khử khuẩn dụng cụ                       | Máy | 6                  |
| 150. | Máy sàng lọc sau sinh                              | Máy | 1                  |
| 151. | Máy siêu âm mắt A-B                                | Máy | 1                  |
| 152. | Máy soi tĩnh mạch                                  | Máy | 29                 |
| 153. | Máy sưởi ấm bệnh nhân                              | Máy | 9                  |
| 154. | Máy tạo nhịp ngoài                                 | Máy | 2                  |
| 155. | Máy tạo nhịp tim                                   | Máy | 5                  |
| 156. | Máy tạo oxy                                        | Máy | 16                 |
| 157. | Máy tháo lồng                                      | Máy | 8                  |
| 158. | Máy theo dõi chức năng não liên tục                | Máy | 4                  |

| STT  | SỐ LƯỢNG                                                       | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|------|----------------------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 159. | Máy theo dõi độ sâu hôn mê khi sử dụng thuốc an thần, thuốc mê | Máy      | 2               |
| 160. | Máy theo dõi hỗ trợ ECMO                                       | Máy      | 2               |
| 161. | Máy theo dõi thông số máu liên tục, tức thời                   | Máy      | 2               |
| 162. | Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma                  | Máy      | 4               |
| 163. | Máy truyền máu                                                 | Máy      | 40              |
| 164. | Máy ủ và đọc chỉ thị sinh học                                  | Máy      | 3               |
| 165. | Mô hình cấp cứu, đặt nội khí quản                              | Cái      | 3               |
| 166. | Phòng áp lực âm                                                | Hệ thống | 3               |
| 167. | Phòng áp lực dương                                             | Hệ thống | 3               |
| 168. | Thiết bị điều trị vàng da                                      | Máy      | 110             |
| 169. | Thiết bị đo cường độ ánh sáng của thiết bị điều trị vàng da    | Máy      | 4               |
| 170. | Thiết bị đo nồng độ bilirubin qua da                           | Máy      | 9               |
| 171. | Thiết bị khử mùi khử khuẩn làm sạch không khí                  | Máy      | 250             |
| 172. | Thiết bị làm ấm khối hồng cầu và xả đông huyết tương           | Máy      | 3               |
| 173. | Thiết bị rửa dụng cụ bằng siêu âm                              | Máy      | 11              |
| 174. | Thùng hấp dụng cụ các loại                                     | Cái      | 30              |
| 175. | Tủ âm các loại                                                 | Cái      | 10              |
| 176. | Tủ an toàn sinh học                                            | Cái      | 5               |
| 177. | Tủ bảo quản âm sâu                                             | Cái      | 5               |
| 178. | Tủ bảo quản ống nội soi                                        | Cái      | 10              |
| 179. | Tủ làm ấm dịch truyền                                          | Cái      | 5               |
| 180. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất                            | Cái      | 54              |
| 181. | Tủ lạnh trữ máu                                                | Cái      | 4               |
| 182. | Tủ mát các loại                                                | Cái      | 20              |
| 183. | Tủ ozone xử lý dụng cụ                                         | Cái      | 3               |
| 184. | Tủ sấy các loại                                                | Cái      | 7               |
| 185. | Tủ/ Buồng thao tác PCR                                         | Cái      | 2               |
| 186. | Xe đẩy đa năng                                                 | Cái      | 100             |
| 187. | Xe để dụng cụ cấp cứu                                          | Cái      | 20              |
| 188. | Xe để dụng cụ gây mê                                           | Cái      | 6               |

**PHỤ LỤC IV**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC LONG**  
**KHÁNH**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày        tháng        năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                            | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy siêu âm hỗ trợ gây tê vùng và dẫn đường thủ thuật | Máy      | 1                  |
| 2.  | Máy siêu âm thần kinh mạch máu                        | Máy      | 3                  |
| 3.  | Máy siêu âm xách tay                                  | Máy      | 7                  |
| 4.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                      | Hệ thống | 7                  |
| 5.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                     | Hệ thống | 5                  |
| 6.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                     | Máy      | 6                  |
| 7.  | Hệ thống monitor trung tâm                            | Hệ thống | 7                  |
| 8.  | Máy điện cơ                                           | Máy      | 1                  |
| 9.  | Bàn kéo nắn chấn thương chỉnh hình                    | Cái      | 3                  |
| 10. | Bàn sưởi ấm, hồi sức sơ sinh                          | Máy      | 3                  |
| 11. | Bể điều nhiệt/cách thủy                               | Cái      | 2                  |
| 12. | Block ủ nhiệt                                         | Cái      | 1                  |
| 13. | Bộ chêm tư thế mổ nằm sấp bằng Silicone               | Máy      | 2                  |
| 14. | Bộ chỉnh hình chi trên dưới                           | Máy      | 5                  |
| 15. | Bộ đặt nội khí quản                                   | Bộ       | 80                 |
| 16. | Bộ đặt nội khí quản khó có camera                     | Bộ       | 3                  |
| 17. | Bộ dụng cụ chấn thương chỉnh hình                     | Máy      | 5                  |
| 18. | Bộ dụng cụ chì sử dụng cho các phòng bức xạ tia x     | Bộ       | 10                 |
| 19. | Bộ dụng cụ mổ cột sống                                | Máy      | 2                  |
| 20. | Bộ dụng cụ nha khoa                                   | Máy      | 10                 |
| 21. | Bộ dụng cụ nội soi khớp                               | Máy      | 4                  |
| 22. | Bộ dụng cụ nội soi ổ bụng, tiết niệu, sản khoa        | Bộ       | 4                  |
| 23. | Bộ dụng cụ phẫu thuật các loại                        | Máy      | 20                 |
| 24. | Bộ dụng cụ phẫu thuật ghép tạng                       | Bộ       | 2                  |
| 25. | Bộ dụng cụ phẫu thuật lồng ngực                       | Bộ       | 2                  |
| 26. | Bộ dụng cụ phẫu thuật mạch máu                        | Bộ       | 2                  |
| 27. | Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng                    | Máy      | 2                  |
| 28. | Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh sọ não                | Máy      | 4                  |
| 29. | Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu                       | Bộ       | 4                  |
| 30. | Bộ dụng cụ tập phục hồi chức năng                     | Máy      | 5                  |
| 31. | Bộ dụng cụ tiểu phẫu                                  | Máy      | 40                 |
| 32. | Bộ dụng cụ trung phẫu                                 | Bộ       | 25                 |
| 33. | Bộ dụng cụ vi phẫu                                    | Máy      | 7                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                                                              | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 34. | Bộ kính thử thị lực                                                                     | Máy      | 3                  |
| 35. | Bộ nội soi bàng quang chẩn đoán                                                         | Máy      | 2                  |
| 36. | Bộ nong niệu đạo                                                                        | Máy      | 4                  |
| 37. | Buồng tiết trùng que cấy bằng điện                                                      | Cái      | 2                  |
| 38. | Cáng cứu thương đa năng                                                                 | Cái      | 2                  |
| 39. | Chậu ngâm nước căng mô                                                                  | Cái      | 1                  |
| 40. | Đèn cực tím                                                                             | Cái      | 8                  |
| 41. | Đèn đội đầu vi phẫu                                                                     | Cái      | 3                  |
| 42. | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                                                         | Cái      | 3                  |
| 43. | Đèn soi đáy mắt                                                                         | Cái      | 7                  |
| 44. | Dụng cụ đẩy tử cung trong mổ nội soi                                                    | Cái      | 2                  |
| 45. | Dụng cụ tiêu phẫu, đỡ đỡ                                                                | Bộ       | 2                  |
| 46. | Ghế máy nha khoa                                                                        | Máy      | 4                  |
| 47. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng                                        | Cái      | 1050               |
| 48. | Giường kéo giãn cột sống                                                                | Cái      | 7                  |
| 49. | Giường tập vật lý trị liệu                                                              | Cái      | 10                 |
| 50. | Hệ thống chuẩn bị ống mẫu (mã Barcode xét nghiệm tự động)                               | Hệ thống | 1                  |
| 51. | Hệ thống khí y tế                                                                       | Hệ thống | 2                  |
| 52. | Hệ thống mô phaco                                                                       | Hệ thống | 1                  |
| 53. | Hệ thống oxy cao áp                                                                     | Hệ thống | 2                  |
| 54. | Hệ thống PCR Real Time                                                                  | Hệ thống | 1                  |
| 55. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS                                                     | Hệ thống | 1                  |
| 56. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS                                               | Hệ thống | 1                  |
| 57. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                                                         | Hệ thống | 1                  |
| 58. | Hệ thống rửa quả lọc thận                                                               | Hệ thống | 3                  |
| 59. | Hệ thống rửa tay vô trùng                                                               | Hệ thống | 15                 |
| 60. | Hệ thống tay treo dùng cho thiết bị                                                     | Hệ thống | 1                  |
| 61. | Hệ thống tay treo máy mê loại gá treo nâng hạ                                           | Hệ thống | 1                  |
| 62. | Hệ thống tuần hoàn ngoài cơ thể ECMO                                                    | Hệ thống | 1                  |
| 63. | Hệ thống vận chuyển mẫu xét nghiệm                                                      | Hệ thống | 5                  |
| 64. | Hệ thống xét nghiệm Elisa                                                               | Hệ thống | 1                  |
| 65. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính có tích hợp máy chụp ảnh vi thể kỹ thuật số và máy vi tính | Cái      | 2                  |
| 66. | Kính hiển vi phẫu thuật                                                                 | Cái      | 12                 |
| 67. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                                                                     | Cái      | 11                 |
| 68. | Máy bào da                                                                              | Máy      | 3                  |
| 69. | Máy bào mô                                                                              | Máy      | 3                  |
| 70. | Máy bào nhân xơ tử cung                                                                 | Máy      | 1                  |
| 71. | Máy bơm CO2                                                                             | Máy      | 10                 |
| 72. | Máy cạo vôi răng                                                                        | Máy      | 3                  |
| 73. | Máy cắt gòn                                                                             | Máy      | 2                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                          | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|-----------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 74.  | Máy cắt vi phẫu                                     | Máy | 1                  |
| 75.  | Máy cấy ghép Implant                                | Máy | 2                  |
| 76.  | Máy cấy máu tự động                                 | Máy | 3                  |
| 77.  | Máy chụp cắt lớp võng mạc                           | Máy | 1                  |
| 78.  | Máy chụp toàn cảnh đo sọ chụp cắt lớp (CT conebeam) | Máy | 1                  |
| 79.  | Máy cưa bột                                         | Máy | 8                  |
| 80.  | Máy đếm chớp sáng lỏng                              | Máy | 1                  |
| 81.  | Máy điện di                                         | Máy | 3                  |
| 82.  | Máy điều trị bằng điện xung                         | Máy | 3                  |
| 83.  | Máy điều trị bằng sóng ngắn                         | Máy | 2                  |
| 84.  | Máy điều trị bằng sóng xung kích                    | Máy | 6                  |
| 85.  | Máy điều trị hạ thân nhiệt                          | Máy | 1                  |
| 86.  | Máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ             | Máy | 4                  |
| 87.  | Máy định nhóm máu các loại                          | Máy | 3                  |
| 88.  | Máy đo áp lực khoang                                | Máy | 3                  |
| 89.  | Máy đo ATP kiểm tra vi sinh bề mặt                  | Máy | 1                  |
| 90.  | Máy đo chỉ số khối cơ thể                           | Máy | 1                  |
| 91.  | Máy đo chiều dài ống tủy/ Máy định vị chớp răng     | Máy | 2                  |
| 92.  | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)               | Máy | 4                  |
| 93.  | Máy đo cung lượng tim Picco                         | Máy | 1                  |
| 94.  | Máy đo độ giãn cơ                                   | Máy | 1                  |
| 95.  | Máy đo độ loãng xương                               | Máy | 4                  |
| 96.  | Máy đo độ mê                                        | Máy | 2                  |
| 97.  | Máy dò huyết chamber cứu                            | Máy | 2                  |
| 98.  | Máy đo huyết động không xâm lấn                     | Máy | 1                  |
| 99.  | Máy đo khúc xạ mắt                                  | Máy | 2                  |
| 100. | Máy đo nhãn áp                                      | Máy | 2                  |
| 101. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)         | Máy | 171                |
| 102. | Máy đo nồng độ DNA                                  | Máy | 2                  |
| 103. | Máy đo PH                                           | Máy | 2                  |
| 104. | Máy đo thị lực                                      | Máy | 1                  |
| 105. | Máy đo thị trường                                   | Máy | 1                  |
| 106. | Máy đo thính lực/ Máy đo nhĩ lượng                  | Máy | 1                  |
| 107. | Máy đo tốc độ lắng máu                              | Máy | 2                  |
| 108. | Máy dò và gây tê thần kinh                          | Máy | 2                  |
| 109. | Máy đốt laser                                       | Máy | 2                  |
| 110. | Máy Garo hơi tự động                                | Máy | 3                  |
| 111. | Máy hấp tiệt trùng                                  | Máy | 14                 |
| 112. | Máy Holter điện tim                                 | Máy | 5                  |
| 113. | Máy Holter huyết áp                                 | Máy | 2                  |
| 114. | Máy hút dịch                                        | Máy | 64                 |

| STT  | CHUNG LOẠI                                               | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|----------------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 115. | Máy hút dịch liên tục áp lực thấp                        | Máy | 4                  |
| 116. | Máy hút thai                                             | Máy | 2                  |
| 117. | Máy khâu cắt tự động                                     | Máy | 2                  |
| 118. | Máy khâu nối ống tiêu hóa                                | Máy | 2                  |
| 119. | Máy khoan xương điện                                     | Máy | 11                 |
| 120. | Máy kích thích thần kinh                                 | Máy | 3                  |
| 121. | Máy kiểm tra vệ sinh tay                                 | Máy | 1                  |
| 122. | Máy lắc các loại                                         | Máy | 9                  |
| 123. | Máy làm ấm máu và dịch truyền                            | Máy | 3                  |
| 124. | Máy làm đá mềm để bảo quản tạng                          | Máy | 1                  |
| 125. | Máy làm khô dụng cụ                                      | Máy | 1                  |
| 126. | Máy laser CO2                                            | Máy | 2                  |
| 127. | Máy laser nội mạch                                       | Máy | 5                  |
| 128. | Máy laser quang châm                                     | Máy | 3                  |
| 129. | Máy lọc máu liên tục                                     | Máy | 2                  |
| 130. | Máy ly tâm các loại                                      | Máy | 17                 |
| 131. | Máy nén ép trị liệu                                      | Máy | 2                  |
| 132. | Máy nghe tim thai doppler                                | Máy | 10                 |
| 133. | Máy phân tích điện giải                                  | Máy | 3                  |
| 134. | Máy phân tích khí máu                                    | Máy | 5                  |
| 135. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh         | Máy | 5                  |
| 136. | Máy rửa dạ dày                                           | Máy | 2                  |
| 137. | Máy rửa phim                                             | Máy | 3                  |
| 138. | Máy rửa và khử khuẩn dụng cụ                             | Máy | 4                  |
| 139. | Máy sắc thuốc và đóng gói                                | Máy | 3                  |
| 140. | Máy sàng lọc sau sinh                                    | Máy | 1                  |
| 141. | Máy sấy khô nhiệt độ thấp – khử khuẩn ozone              | Máy | 1                  |
| 142. | Máy sấy tiêu bản/ máy sấy lam                            | Máy | 6                  |
| 143. | Máy siêu âm điều trị                                     | Máy | 5                  |
| 144. | Máy siêu âm mắt A-B                                      | Máy | 1                  |
| 145. | Máy soi tĩnh mạch                                        | Máy | 2                  |
| 146. | Máy sưởi ấm bệnh nhân                                    | Máy | 2                  |
| 147. | Máy tán sỏi                                              | Máy | 7                  |
| 148. | Máy tạo nhịp tim                                         | Máy | 5                  |
| 149. | Máy tạo oxy                                              | Máy | 48                 |
| 150. | Máy tập khớp gối                                         | Máy | 2                  |
| 151. | Máy tháo lồng                                            | Máy | 4                  |
| 152. | Máy theo dõi áp lực nội sọ                               | Máy | 2                  |
| 153. | Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma            | Máy | 3                  |
| 154. | Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ Ethylen oxit (EO) | Máy | 3                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                        | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|---------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 155. | Máy trám răng                                     | Máy | 2                  |
| 156. | Máy ủ ẩm                                          | Máy | 3                  |
| 157. | Máy ủ và đọc chỉ thị sinh học                     | Máy | 3                  |
| 158. | Máy vùi mô                                        | Máy | 1                  |
| 159. | Máy xét nghiệm HBA1C                              | Máy | 2                  |
| 160. | Máy xét nghiệm vi khuẩn HP                        | Máy | 2                  |
| 161. | Máy X-quang nhũ                                   | Máy | 2                  |
| 162. | Máy X-quang quanh chóp                            | Máy | 2                  |
| 163. | Máy X-quang răng                                  | Máy | 2                  |
| 164. | Máy X-quang răng toàn cảnh                        | Máy | 2                  |
| 165. | Máy xử lý mô                                      | Máy | 1                  |
| 166. | Nệm chống loét điện                               | Cái | 2                  |
| 167. | Thiết bị điều trị vàng da                         | Máy | 20                 |
| 168. | Thiết bị đo độ dài nếp gấp da                     | Máy | 1                  |
| 169. | Thiết bị đo sức cơ bàn tay                        | Máy | 1                  |
| 170. | Thiết bị khử mùi khử khuẩn làm sạch không khí     | Máy | 36                 |
| 171. | Thiết bị rửa dụng cụ bằng siêu âm                 | Máy | 5                  |
| 172. | Thùng nấu sáp paraffin/ Bồn đun paraffin trị liệu | Cái | 1                  |
| 173. | Tủ ẩm các loại                                    | Cái | 2                  |
| 174. | Tủ an toàn sinh học                               | Cái | 7                  |
| 175. | Tủ bảo quản âm sâu                                | Cái | 3                  |
| 176. | Tủ lạnh bảo quản tử thi                           | Cái | 2                  |
| 177. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất               | Cái | 15                 |
| 178. | Tủ lạnh trữ máu                                   | Cái | 6                  |
| 179. | Tủ nuôi cấy                                       | Cái | 6                  |
| 180. | Tủ sấy các loại                                   | Cái | 16                 |
| 181. | Tủ ủ và đọc kết quả test vi sinh                  | Cái | 1                  |

**PHỤ LỤC V**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC ĐỊNH**  
**QUẬN**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày        tháng        năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                            | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy X-quang đo loãng xương toàn thân                  | Máy      | 2                  |
| 2.  | Máy siêu âm hỗ trợ gây tê vùng và dẫn đường thủ thuật | Máy      | 1                  |
| 3.  | Máy siêu âm xách tay                                  | Máy      | 2                  |
| 4.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                      | Hệ thống | 4                  |
| 5.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                     | Hệ thống | 2                  |
| 6.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                     | Máy      | 5                  |
| 7.  | Máy xét nghiệm HbA1c                                  | Máy      | 2                  |
| 8.  | Hệ thống monitor trung tâm                            | Hệ thống | 3                  |
| 9.  | Máy điện tim gắng sức                                 | Máy      | 2                  |
| 10. | Bàn chỉnh hình kéo nắn xương                          | Cái      | 2                  |
| 11. | Bàn sưởi ấm, hồi sức sơ sinh                          | Cái      | 4                  |
| 12. | Bộ đặt nội khí quản                                   | Bộ       | 30                 |
| 13. | Bộ đặt nội khí quản khó                               | Bộ       | 8                  |
| 14. | Bộ dụng cụ cấp cứu ban đầu/ Vali cấp cứu chuyên dụng  | Bộ       | 5                  |
| 15. | Bộ dụng cụ chì sử dụng cho các phòng bức xạ tia x     | Bộ       | 10                 |
| 16. | Bộ dụng cụ cố định chi                                | Bộ       | 5                  |
| 17. | Bộ dụng cụ khám và điều trị tai mũi họng              | Bộ       | 2                  |
| 18. | Bộ dụng cụ mở khí quản                                | Bộ       | 5                  |
| 19. | Bộ dụng cụ nẹp bàn ngón                               | Bộ       | 3                  |
| 20. | Bộ dụng cụ phẫu thuật các loại                        | Bộ       | 15                 |
| 21. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt trĩ                         | Bộ       | 8                  |
| 22. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt tử cung                     | Bộ       | 4                  |
| 23. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tai mũi họng            | Bộ       | 1                  |
| 24. | Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh sọ não                | Bộ       | 3                  |
| 25. | Bộ dụng cụ phẫu thuật tổng quát                       | Bộ       | 30                 |
| 26. | Bộ dụng cụ phẫu thuật xương                           | Bộ       | 6                  |
| 27. | Bộ dụng cụ tập phục hồi chức năng                     | Bộ       | 5                  |
| 28. | Bộ dụng cụ vi phẫu                                    | Bộ       | 3                  |
| 29. | Bộ kính thử thị lực                                   | Bộ       | 3                  |
| 30. | Bơm tiêm cân quang                                    | Cái      | 2                  |
| 31. | Cáng cứu thương đa năng                               | Cái      | 5                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                                                              | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 32. | Cầu thang tập đi cho người khuyết tật vận động                                          | Cái      | 3                  |
| 33. | Dàn kéo xương chi dưới                                                                  | Cái      | 1                  |
| 34. | Đèn cực tím                                                                             | Cái      | 3                  |
| 35. | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                                                         | Cái      | 2                  |
| 36. | Đèn quang trùng hợp                                                                     | Cái      | 3                  |
| 37. | Dụng cụ tiêu phẫu, đỡ đỡ                                                                | Bộ       | 12                 |
| 38. | Ghế máy nha khoa                                                                        | Máy      | 5                  |
| 39. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng                                        | Cái      | 651                |
| 40. | Hệ thống cảnh báo an toàn bức xạ                                                        | Hệ thống | 2                  |
| 41. | Hệ thống khí sạch                                                                       | Hệ thống | 2                  |
| 42. | Hệ thống khí y tế                                                                       | Hệ thống | 4                  |
| 43. | Hệ thống máy hút, nén trung tâm                                                         | Hệ thống | 3                  |
| 44. | Hệ thống NCPAP                                                                          | Máy      | 5                  |
| 45. | Hệ thống Pap smear                                                                      | Hệ thống | 1                  |
| 46. | Hệ thống PCR Real Time                                                                  | Hệ thống | 1                  |
| 47. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS                                                     | Hệ thống | 1                  |
| 48. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS                                               | Hệ thống | 1                  |
| 49. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                                                         | Hệ thống | 1                  |
| 50. | Hệ thống rửa quả lọc thận                                                               | Hệ thống | 4                  |
| 51. | Hệ thống rửa tay vô trùng                                                               | Hệ thống | 14                 |
| 52. | Hệ thống tập phục hồi chức năng toàn thân                                               | Hệ thống | 2                  |
| 53. | Hệ thống truyền máu hoàn hồi                                                            | Hệ thống | 1                  |
| 54. | Hệ thống tự động rửa khử khuẩn bậc cao - sấy khô nhiệt độ thấp                          | Hệ thống | 1                  |
| 55. | Hệ thống tuần hoàn ngoài cơ thể ECMO                                                    | Hệ thống | 2                  |
| 56. | Hệ thống vận chuyển mẫu xét nghiệm                                                      | Hệ thống | 1                  |
| 57. | Hệ thống xử lý nước RO                                                                  | Hệ thống | 4                  |
| 58. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                                                            | Cái      | 7                  |
| 59. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính có tích hợp máy chụp ảnh vi thể kỹ thuật số và máy vi tính | Cái      | 1                  |
| 60. | Kính hiển vi phẫu thuật                                                                 | Máy      | 2                  |
| 61. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                                                                     | Cái      | 23                 |
| 62. | Máy ánh sáng xung điều trị da                                                           | Máy      | 1                  |
| 63. | Máy bào da và nhân xơ tử cung                                                           | Máy      | 1                  |
| 64. | Máy bơm CO2                                                                             | Máy      | 1                  |
| 65. | Máy cấy máu tự động                                                                     | Máy      | 1                  |
| 66. | Máy cấy máu tự động                                                                     | Máy      | 1                  |
| 67. | Máy châm cứu                                                                            | Máy      | 5                  |
| 68. | Máy điện cơ                                                                             | Máy      | 2                  |
| 69. | Máy điều trị bằng điện xung                                                             | Máy      | 1                  |
| 70. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                                                             | Máy      | 6                  |
| 71. | Máy điều trị bằng sóng xung kích                                                        | Máy      | 3                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                       | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|--------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 72.  | Máy điều trị bằng từ trường                      | Máy | 1                  |
| 73.  | Máy điều trị hạ thân nhiệt                       | Máy | 2                  |
| 74.  | Máy điều trị tần số trung bình 2 kênh            | Máy | 4                  |
| 75.  | Máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ          | Máy | 1                  |
| 76.  | Máy đo áp lực bàng quang                         | Máy | 1                  |
| 77.  | Máy đo áp suất thẩm thấu                         | Máy | 1                  |
| 78.  | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)            | Máy | 2                  |
| 79.  | Máy đo cung lượng tim Picco                      | Máy | 2                  |
| 80.  | Máy đo dấu ấn tim mạch                           | Máy | 2                  |
| 81.  | Máy đo độ giãn cơ                                | Máy | 2                  |
| 82.  | Máy đo huyết áp tứ chi ABI                       | Máy | 5                  |
| 83.  | Máy dò huyết chambers                            | Máy | 2                  |
| 84.  | Máy đo khúc xạ mắt                               | Máy | 2                  |
| 85.  | Máy đo nhãn áp                                   | Máy | 2                  |
| 86.  | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)      | Máy | 51                 |
| 87.  | Máy đóng gói chân không                          | Máy | 2                  |
| 88.  | Máy ép túi dero tiết trùng                       | Máy | 5                  |
| 89.  | Máy hàn dây túi máu                              | Máy | 2                  |
| 90.  | Máy hấp tiết trùng                               | Máy | 16                 |
| 91.  | Máy hút áp lực âm                                | Máy | 2                  |
| 92.  | Máy hút dịch                                     | Máy | 50                 |
| 93.  | Máy hút dịch liên tục áp lực thấp                | Máy | 5                  |
| 94.  | Máy hút thai                                     | Máy | 6                  |
| 95.  | Máy in dùng cho máy nội soi                      | Máy | 5                  |
| 96.  | Máy in phim                                      | Máy | 5                  |
| 97.  | Máy kéo giãn cột sống                            | Máy | 6                  |
| 98.  | Máy khí dung siêu âm                             | Máy | 6                  |
| 99.  | Máy khoan dùng cho chấn thương chỉnh hình        | Máy | 6                  |
| 100. | Máy khoan hơi                                    | Máy | 4                  |
| 101. | Máy làm ấm máu và dịch truyền                    | Máy | 5                  |
| 102. | Máy Laser bán dẫn                                | Máy | 7                  |
| 103. | Máy Laser nội mạch                               | Máy | 5                  |
| 104. | Máy Laser quang châm                             | Máy | 5                  |
| 105. | Máy lọc máu liên tục                             | Máy | 3                  |
| 106. | Máy ly tâm các loại                              | Máy | 12                 |
| 107. | Máy nén ép trị liệu                              | Máy | 3                  |
| 108. | Máy nén khí dùng cho máy giúp thở                | Máy | 10                 |
| 109. | Máy nghe tim thai doppler                        | Máy | 14                 |
| 110. | Máy phân tích điện giải                          | Máy | 5                  |
| 111. | Máy phân tích khí máu                            | Máy | 3                  |
| 112. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh | Máy | 3                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                                  | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|-------------------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 113. | Máy rửa dạ dày                                              | Máy | 2                  |
| 114. | Máy rửa và khử khuẩn dụng cụ                                | Máy | 14                 |
| 115. | Máy rửa ống nội soi                                         | Máy | 2                  |
| 116. | Máy rửa phim                                                | Máy | 3                  |
| 117. | Máy sắc thuốc và đóng gói                                   | Máy | 3                  |
| 118. | Máy siêu âm doppler mạch máu                                | Máy | 1                  |
| 119. | Máy siêu âm điều trị                                        | Máy | 2                  |
| 120. | Máy siêu âm trong lòng mạch IVUS                            | Máy | 1                  |
| 121. | Máy sưởi ấm bệnh nhân                                       | Máy | 10                 |
| 122. | Máy tách chiết DNA/ RNA                                     | Máy | 3                  |
| 123. | Máy tán sỏi                                                 | Máy | 2                  |
| 124. | Máy tạo nhịp tim                                            | Máy | 3                  |
| 125. | Máy tạo Oxy                                                 | Máy | 60                 |
| 126. | Máy theo dõi áp lực nội sọ                                  | Máy | 1                  |
| 127. | Máy thử Pro PNP                                             | Máy | 2                  |
| 128. | Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ Ethylen<br>oxit (EO) | Máy | 1                  |
| 129. | Máy vi sóng                                                 | Máy | 1                  |
| 130. | Máy xét nghiệm vi khuẩn HP                                  | Máy | 3                  |
| 131. | Máy xông hơi                                                | Máy | 2                  |
| 132. | Thiết bị điều trị vàng da                                   | Máy | 5                  |
| 133. | Thiết bị khử mùi khử khuẩn làm sạch không khí               | Máy | 60                 |
| 134. | Thiết bị Laser chiếu ngoài                                  | Máy | 5                  |
| 135. | Thùng nấu sáp paraffin/ Bồn đun paraffin trị liệu           | Cái | 3                  |
| 136. | Tủ an toàn sinh học                                         | Cái | 4                  |
| 137. | Tủ bảo quản âm sâu                                          | Cái | 5                  |
| 138. | Tủ bảo quản bệnh phẩm                                       | Cái | 3                  |
| 139. | Tủ ấm các loại                                              | Cái | 5                  |
| 140. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất                         | Cái | 10                 |
| 141. | Tủ lạnh trữ máu                                             | Cái | 3                  |
| 142. | Tủ sấy các loại                                             | Cái | 5                  |
| 143. | Tủ sấy đối lưu tự nhiên                                     | Cái | 2                  |
| 144. | Tủ vô trùng cấy vi sinh                                     | Cái | 2                  |
| 145. | Tủ/ Bồng thao tác PCR                                       | Cái | 3                  |
| 146. | Xe để dụng cụ cấp cứu                                       | Cái | 5                  |

**PHỤ LỤC VI**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC LONG**  
**THÀNH**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày        tháng        năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                        | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|---------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy X-quang nhũ                                   | Máy      | 2                  |
| 2.  | Máy X-quang răng                                  | Máy      | 2                  |
| 3.  | Máy siêu âm xách tay                              | Máy      | 3                  |
| 4.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                  | Hệ thống | 3                  |
| 5.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                 | Hệ thống | 2                  |
| 6.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                 | Máy      | 2                  |
| 7.  | Hệ thống monitor trung tâm                        | Hệ thống | 1                  |
| 8.  | Bàn sanh, khám sản khoa                           | Cái      | 6                  |
| 9.  | Bàn sưởi ấm, hồi sức sơ sinh                      | Cái      | 6                  |
| 10. | Bộ đặt nội khí quản                               | Bộ       | 2                  |
| 11. | Bộ dụng cụ chỉ sử dụng cho các phòng bức xạ tia X | Bộ       | 10                 |
| 12. | Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình      | Bộ       | 2                  |
| 13. | Bộ dụng cụ phẫu thuật chi trên và chi dưới        | Bộ       | 2                  |
| 14. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tai mũi họng        | Bộ       | 2                  |
| 15. | Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt                | Bộ       | 2                  |
| 16. | Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh sọ não            | Bộ       | 2                  |
| 17. | Bộ dụng cụ trung phẫu                             | Bộ       | 5                  |
| 18. | Bồn rửa tay phẫu thuật các loại                   | Cái      | 4                  |
| 19. | Cáng cứu thương đa năng                           | Cái      | 2                  |
| 20. | Đèn soi đáy mắt                                   | Cái      | 3                  |
| 21. | Dụng cụ tiêu phẫu, đỡ đẻ                          | Bộ       | 2                  |
| 22. | Ghế máy nha khoa                                  | Máy      | 2                  |
| 23. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng  | Cái      | 556                |
| 24. | Hệ thống khí y tế                                 | Hệ thống | 2                  |
| 25. | Hệ thống lọc khí                                  | Hệ thống | 1                  |
| 26. | Hệ thống PCR Real Time                            | Hệ thống | 1                  |
| 27. | Hệ thống phần mềm quản lý trang thiết bị y tế     | Hệ thống | 1                  |
| 28. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS               | Hệ thống | 1                  |
| 29. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS         | Hệ thống | 1                  |
| 30. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                   | Hệ thống | 1                  |
| 31. | Hệ thống xử lý nước RO                            | Hệ thống | 1                  |
| 32. | Hệ thống rửa quả lọc thận                         | Hệ thống | 2                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                      | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 33. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                    | Cái | 5                  |
| 34. | Lò xông hơi                                     | Cái | 1                  |
| 35. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                             | Cái | 4                  |
| 36. | Lực kế bóp tay                                  | Cái | 1                  |
| 37. | Máy bào da                                      | Máy | 1                  |
| 38. | Máy cạo vôi răng                                | Máy | 1                  |
| 39. | Máy cắt gòn                                     | Máy | 2                  |
| 40. | Máy châm cứu                                    | Máy | 2                  |
| 41. | Máy cưa bột                                     | Máy | 1                  |
| 42. | Máy điện cơ                                     | Máy | 1                  |
| 43. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                     | Máy | 2                  |
| 44. | Máy điều trị bằng sóng xung kích                | Máy | 5                  |
| 45. | Máy điều trị điện                               | Máy | 3                  |
| 46. | Máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ         | Máy | 1                  |
| 47. | Máy đo chiều dài ống tủy/ Máy định vị chóp răng | Máy | 1                  |
| 48. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)           | Máy | 1                  |
| 49. | Máy đo cơ lưng và chân                          | Máy | 1                  |
| 50. | Máy đo độ loãng xương                           | Máy | 1                  |
| 51. | Máy đo khúc xạ mắt                              | Máy | 1                  |
| 52. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)     | Máy | 25                 |
| 53. | Máy đóng gói chân không                         | Máy | 2                  |
| 54. | Máy hấp diệt trùng                              | Máy | 4                  |
| 55. | Máy Holter điện tim                             | Máy | 1                  |
| 56. | Máy Holter huyết áp                             | Máy | 4                  |
| 57. | Máy hút áp lực âm                               | Máy | 2                  |
| 58. | Máy hút dịch                                    | Máy | 28                 |
| 59. | Máy kéo giãn cột sống                           | Máy | 4                  |
| 60. | Máy khoan điện                                  | Máy | 1                  |
| 61. | Máy khuấy từ                                    | Máy | 1                  |
| 62. | Máy làm ấm máu và dịch truyền                   | Máy | 2                  |
| 63. | Máy laser CO2                                   | Máy | 2                  |
| 64. | Máy laser điều trị                              | Máy | 4                  |
| 65. | Máy laser hồng ngoại                            | Máy | 3                  |
| 66. | Máy laser nội mạch                              | Máy | 3                  |
| 67. | Máy ly tâm các loại                             | Máy | 5                  |
| 68. | Máy nén hơi                                     | Máy | 1                  |
| 69. | Máy nghe tim thai doppler                       | Máy | 9                  |
| 70. | Máy nha di động                                 | Máy | 1                  |
| 71. | Máy phân tích điện giải                         | Máy | 4                  |
| 72. | Máy phân tích khí máu                           | Máy | 1                  |
| 73. | Máy rửa phim                                    | Máy | 2                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                    | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------------------------|-----|--------------------|
| 74. | Máy sắc thuốc và đóng gói                     | Máy | 2                  |
| 75. | Máy siêu âm điều trị                          | Máy | 6                  |
| 76. | Máy sưởi ấm bệnh nhân                         | Máy | 2                  |
| 77. | Máy tạo oxy                                   | Máy | 32                 |
| 78. | Máy diệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma | Máy | 1                  |
| 79. | Máy trám răng                                 | Máy | 3                  |
| 80. | Máy vật lý trị liệu đa năng                   | Máy | 2                  |
| 81. | Nồi sập                                       | Cái | 1                  |
| 82. | Thiết bị điện xung và điện phân trị liệu      | Máy | 1                  |
| 83. | Thiết bị điều trị vàng da                     | Máy | 6                  |
| 84. | Thiết bị hồi sức sơ sinh                      | Máy | 2                  |
| 85. | Thiết bị khử mùi khử khuẩn làm sạch không khí | Máy | 10                 |
| 86. | Tủ âm các loại                                | Cái | 1                  |
| 87. | Tủ an toàn sinh học                           | Cái | 1                  |
| 88. | Tủ cách thủy                                  | Cái | 3                  |
| 89. | Tủ lạnh bảo quản tử thi                       | Cái | 1                  |
| 90. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất           | Cái | 5                  |
| 91. | Tủ sấy các loại                               | Cái | 5                  |
| 92. | Tủ ủ CO <sub>2</sub>                          | Cái | 2                  |
| 93. | Xe để dụng cụ cấp cứu                         | Cái | 5                  |

**PHỤ LỤC VII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA LIỄU ĐỒNG NAI**  
*(Đính kèm Quyết định số           /QĐ-SYT ngày    tháng    năm 2023 của Sở Y tế)*

| STT | CHUNG LOẠI                                               | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|-----|----------------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 1.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                        | Hệ thống | 4               |
| 2.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                        | Máy      | 2               |
| 3.  | Bình đựng ni tơ lỏng 20 lít                              | Cái      | 2               |
| 4.  | Bình phun ni tơ lỏng 500 ml                              | Cái      | 5               |
| 5.  | Bộ đặt nội khí quản                                      | Bộ       | 6               |
| 6.  | Bộ dụng cụ tiểu phẫu                                     | Bộ       | 19              |
| 7.  | Bồn vi sinh + Bồn lọc                                    | Cái      | 4               |
| 8.  | Buồng chiếu tia cực tím UVB toàn thân                    | Cái      | 2               |
| 9.  | Đèn LED toàn thân                                        | Cái      | 1               |
| 10. | Ghế thẩm mỹ                                              | Cái      | 2               |
| 11. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng         | Cái      | 56              |
| 12. | Giường thẩm mỹ                                           | Cái      | 17              |
| 13. | Hệ thống khí y tế                                        | Hệ thống | 1               |
| 14. | Hệ thống làm lạnh bề mặt da                              | Hệ thống | 3               |
| 15. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS                      | Hệ thống | 1               |
| 16. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS                | Hệ thống | 1               |
| 17. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                          | Hệ thống | 1               |
| 18. | Hệ thống xét nghiệm Elisa                                | Hệ thống | 1               |
| 19. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                             | Cái      | 5               |
| 20. | Máy cưa bột                                              | Máy      | 1               |
| 21. | Máy điện chuyển ione                                     | Máy      | 5               |
| 22. | Máy điện di                                              | Máy      | 1               |
| 23. | Máy điều trị bằng sóng xung kích                         | Máy      | 2               |
| 24. | Máy điều trị chứng tăng tiết mồ hôi và hôi dưới cánh tay | Máy      | 1               |
| 25. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)              | Máy      | 10              |
| 26. | Máy đóng gói chân không                                  | Máy      | 1               |
| 27. | Máy đốt lạnh cho da                                      | Máy      | 1               |
| 28. | Máy Excimer laser điều trị bệnh da                       | Máy      | 4               |
| 29. | Máy hấp tiết trùng                                       | Máy      | 8               |
| 30. | Máy HIFU (High Intensity Focused Untrasound)             | Máy      | 1               |
| 31. | Máy hút dịch                                             | Máy      | 5               |
| 32. | Máy hút dịch                                             | Máy      | 3               |
| 33. | Máy lắc các loại                                         | Máy      | 2               |

| STT | CHUNG LOẠI                                                 | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|------------------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 34. | Máy lăn kim phối hợp sóng cao tần (RF)                     | Máy | 2                  |
| 35. | Máy laser CO2                                              | Máy | 6                  |
| 36. | Máy laser điều trị tẩy lông                                | Máy | 2                  |
| 37. | Máy Laser Fractional CO2                                   | Máy | 2                  |
| 38. | Máy laser YAG                                              | Máy | 5                  |
| 39. | Máy ly tâm các loại                                        | Máy | 7                  |
| 40. | Máy phân tích điện giải                                    | Máy | 1                  |
| 41. | Máy phát tia Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương        | Máy | 3                  |
| 42. | Máy Plasma nóng                                            | Máy | 1                  |
| 43. | Máy rửa phim                                               | Máy | 1                  |
| 44. | Máy soi và phân tích da                                    | Máy | 8                  |
| 45. | Máy tạo oxy                                                | Máy | 17                 |
| 46. | Máy xông hơi                                               | Máy | 3                  |
| 47. | Thiết bị chẩn đoán Dermoscopy (dermatoscopy, dermatoscope) | Máy | 5                  |
| 48. | Thiết bị đa ánh sáng (Đèn LED)                             | Máy | 3                  |
| 49. | Thiết bị điều trị và chăm sóc da bằng ánh sáng xung IPL    | Máy | 3                  |
| 50. | Thiết bị khử mùi khử khuẩn làm sạch không khí              | Máy | 19                 |
| 51. | Thiết bị Laser xung cực ngắn                               | Máy | 1                  |
| 52. | Thiết bị LED đa bước sóng                                  | Máy | 5                  |
| 53. | Thiết bị sóng cao tần công nghệ RF                         | Máy | 1                  |
| 54. | Thiết bị sóng cao tần Thermage                             | Máy | 1                  |
| 55. | Thiết bị sóng siêu âm hội tụ                               | Máy | 3                  |
| 56. | Thiết bị tia cực tím                                       | Máy | 2                  |
| 57. | Tủ âm các loại                                             | Cái | 1                  |
| 58. | Tủ an toàn sinh học                                        | Cái | 1                  |
| 59. | Tủ bảo quản âm sâu                                         | Cái | 1                  |
| 60. | Tủ bảo quản bệnh phẩm                                      | Cái | 1                  |
| 61. | Tủ đựng dụng cụ                                            | Cái | 8                  |
| 62. | Tủ sấy các loại                                            | Cái | 4                  |
| 63. | Xe để dụng cụ cấp cứu                                      | Cái | 8                  |

**PHỤ LỤC VIII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN PHỔI ĐỒNG NAI**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày      tháng      năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                       | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy siêu âm xách tay                             | Máy      | 1                  |
| 2.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                | Hệ thống | 5                  |
| 3.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                | Máy      | 2                  |
| 4.  | Bộ đặt nội khí quản                              | Bộ       | 6                  |
| 5.  | Bộ dụng cụ mở khí quản                           | Bộ       | 2                  |
| 6.  | Bồn rửa mắt                                      | Cái      | 2                  |
| 7.  | Đèn cực tím                                      | Cái      | 2                  |
| 8.  | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng | Cái      | 339                |
| 9.  | Hệ thống khí y tế                                | Hệ thống | 1                  |
| 10. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS              | Hệ thống | 1                  |
| 11. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS        | Hệ thống | 1                  |
| 12. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                  | Hệ thống | 1                  |
| 13. | Hệ thống rửa tay vô trùng                        | Hệ thống | 1                  |
| 14. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                     | Cái      | 8                  |
| 15. | Máy cấy lao                                      | Máy      | 1                  |
| 16. | Máy cấy vi khuẩn lao tự động                     | Máy      | 1                  |
| 17. | Máy chẩn đoán lao                                | Máy      | 1                  |
| 18. | Máy đánh tan đàm                                 | Máy      | 5                  |
| 19. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)            | Máy      | 7                  |
| 20. | Máy đo dao động xung ký                          | Máy      | 1                  |
| 21. | Máy đo FeNo                                      | Máy      | 1                  |
| 22. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)      | Máy      | 17                 |
| 23. | Máy hấp tiệt trùng                               | Máy      | 9                  |
| 24. | Máy hút dịch liên tục áp lực thấp                | Máy      | 20                 |
| 25. | Máy khí dung siêu âm                             | Máy      | 5                  |
| 26. | Máy lắc đờm                                      | Máy      | 1                  |
| 27. | Máy lọc máu liên tục                             | Máy      | 2                  |
| 28. | Máy ly tâm các loại                              | Máy      | 8                  |
| 29. | Máy máu lắng tự động                             | Máy      | 2                  |
| 30. | Máy phân tích khí máu                            | Máy      | 2                  |
| 31. | Máy phân tích PH và khí trong máu                | Máy      | 1                  |
| 32. | Máy sấy tiêu bản/ máy sấy lam                    | Máy      | 4                  |
| 33. | Máy tạo nhịp tim                                 | Máy      | 1                  |
| 34. | Máy tạo oxy                                      | Máy      | 13                 |
| 35. | Máy xét nghiệm Gene Xpert                        | Máy      | 5                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                    | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------------------------|----------|--------------------|
| 36. | Thiết bị khử mùi khử khuẩn làm sạch không khí | Máy      | 1                  |
| 37. | Tủ âm các loại                                | Cái      | 2                  |
| 38. | Tủ an toàn sinh học                           | Cái      | 7                  |
| 39. | Tủ bảo quản sinh phẩm                         | Cái      | 6                  |
| 40. | Tủ sấy các loại                               | Cái      | 3                  |
| 41. | Xe khám lưu động có hệ thống X-quang di động  | Hệ thống | 1                  |

**PHỤ LỤC IX**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN**  
*(Đính kèm Quyết định số           /QĐ-SYT ngày    tháng    năm 2023 của Sở Y tế)*

| STT | CHUNG LOẠI                                           | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                    | Hệ thống | 2                  |
| 2.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                    | Máy      | 2                  |
| 3.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                     | Máy      | 1                  |
| 4.  | Máy xét nghiệm HBA1C                                 | Máy      | 1                  |
| 5.  | Máy xét nghiệm vi khuẩn HP                           | Máy      | 1                  |
| 6.  | Máy điện cơ                                          | Máy      | 2                  |
| 7.  | Bàn rửa tay khử khuẩn                                | Cái      | 1                  |
| 8.  | Bàn tập phục hồi chức năng                           | Cái      | 1                  |
| 9.  | Bộ đặt nội khí quản                                  | Bộ       | 2                  |
| 10. | Bộ dụng cụ cấp cứu ban đầu/ Vali cấp cứu chuyên dụng | Bộ       | 2                  |
| 11. | Bộ dụng cụ cố định chi                               | Bộ       | 1                  |
| 12. | Bộ dụng cụ khám lão khoa                             | Bộ       | 1                  |
| 13. | Bộ dụng cụ khám và điều trị tai mũi họng             | Bộ       | 1                  |
| 14. | Bộ dụng cụ lấy dị vật giác mạc                       | Bộ       | 1                  |
| 15. | Bộ dụng cụ nha khoa                                  | Bộ       | 1                  |
| 16. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt trĩ                        | Bộ       | 4                  |
| 17. | Bộ dụng cụ tiểu phẫu                                 | Bộ       | 2                  |
| 18. | Bộ khám ngũ quan                                     | Bộ       | 2                  |
| 19. | Bộ kính thử thị lực                                  | Bộ       | 1                  |
| 20. | Bồn ngâm thuốc bắc                                   | Cái      | 2                  |
| 21. | Bồn tắm massage                                      | Cái      | 1                  |
| 22. | Buồng oxy cao áp                                     | Cái      | 2                  |
| 23. | Dàn tập đa năng toàn thân kèm theo ghế ngồi tập      | Cái      | 2                  |
| 24. | Đèn hồng ngoại                                       | Cái      | 2                  |
| 25. | Đèn khám mắt hình búa                                | Cái      | 0                  |
| 26. | Đèn quang trị liệu                                   | Cái      | 1                  |
| 27. | Đèn soi đáy mắt                                      | Cái      | 2                  |
| 28. | Dụng cụ tập bơi thuyền                               | Cái      | 3                  |
| 29. | Ghế khám mắt                                         | Cái      | 2                  |
| 30. | Ghế massage điện                                     | Cái      | 1                  |
| 31. | Ghế máy nha khoa                                     | Máy      | 1                  |
| 32. | Ghế tác động cột sống                                | Cái      | 2                  |
| 33. | Ghế tập cơ tứ đầu đùi                                | Cái      | 3                  |
| 34. | Ghế tập phục hồi chức năng tay, chân                 | Cái      | 2                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                                                              | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 35. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng                                        | Cái      | 236                |
| 36. | Giường massage điều trị bằng điện                                                       | Cái      | 5                  |
| 37. | Giường xiên quay tập đứng                                                               | Cái      | 2                  |
| 38. | Hệ thống giường tập phục hồi chức năng đa năng                                          | Hệ thống | 2                  |
| 39. | Hệ thống kéo giãn cột sống, cổ ngực và lưng                                             | Hệ thống | 6                  |
| 40. | Hệ thống khí y tế                                                                       | Hệ thống | 1                  |
| 41. | Hệ thống phục hồi chức năng chi trên - chi dưới - thân mình                             | Hệ thống | 1                  |
| 42. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS                                                     | Hệ thống | 1                  |
| 43. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS                                               | Hệ thống | 1                  |
| 44. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                                                         | Hệ thống | 1                  |
| 45. | Hệ thống robot tập phục hồi chức năng toàn thân                                         | Hệ thống | 1                  |
| 46. | Hệ thống rửa tay vô trùng                                                               | Hệ thống | 1                  |
| 47. | Hệ thống tập thăng bằng                                                                 | Hệ thống | 2                  |
| 48. | Hệ thống thủy trị liệu các loại                                                         | Hệ thống | 1                  |
| 49. | Hệ thống xử lý nước RO                                                                  | Hệ thống | 2                  |
| 50. | Khay sắc thuốc                                                                          | Cái      | 1                  |
| 51. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính có tích hợp máy chụp ảnh vi thể kỹ thuật số và máy vi tính | Cái      | 2                  |
| 52. | Máy cạo vôi răng                                                                        | Máy      | 1                  |
| 53. | Máy châm cứu                                                                            | Máy      | 32                 |
| 54. | Máy điện châm                                                                           | Máy      | 64                 |
| 55. | Máy điện trị liệu không dùng kim                                                        | Máy      | 10                 |
| 56. | Máy điều trị 3 chức năng siêu âm, điện phân kết hợp điện xung                           | Máy      | 2                  |
| 57. | Máy điều trị bằng điện từ trường                                                        | Máy      | 3                  |
| 58. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                                                             | Máy      | 6                  |
| 59. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                                                             | Máy      | 2                  |
| 60. | Máy điều trị bằng sóng xung kích                                                        | Máy      | 4                  |
| 61. | Máy điều trị bằng từ trường                                                             | Máy      | 9                  |
| 62. | Máy điều trị điện trường cao áp                                                         | Máy      | 2                  |
| 63. | Máy điều trị kích thích điện kết hợp điện xung và điện phân thuốc                       | Máy      | 1                  |
| 64. | Máy điều trị kích thích phát âm                                                         | Máy      | 2                  |
| 65. | Máy điều trị luyện tập phát âm cho bệnh nhân mất khả năng nói                           | Máy      | 2                  |
| 66. | Máy điều trị siêu âm đa tần                                                             | Máy      | 2                  |
| 67. | Máy điều trị sóng giao thoa                                                             | Máy      | 2                  |
| 68. | Máy điều trị sóng siêu âm các loại                                                      | Máy      | 3                  |
| 69. | Máy điều trị suy tĩnh mạch bằng laser                                                   | Máy      | 2                  |
| 70. | Máy điều trị tần số thấp                                                                | Máy      | 2                  |
| 71. | Máy điều trị viêm khớp                                                                  | Máy      | 2                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                               | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|----------------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 72.  | Máy đo độ giãn cơ                                        | Máy | 1                  |
| 73.  | Máy đo độ loãng xương                                    | Máy | 3                  |
| 74.  | Máy đo ngưỡng đau                                        | Máy | 1                  |
| 75.  | Máy đo tốc độ lắng máu                                   | Máy | 1                  |
| 76.  | Máy đóng gói chân không                                  | Máy | 2                  |
| 77.  | Máy hấp tiệt trùng                                       | Máy | 2                  |
| 78.  | Máy hiệu ứng nhiệt                                       | Máy | 2                  |
| 79.  | Máy hỗ trợ nâng và di chuyển bệnh nhân liệt              | Máy | 1                  |
| 80.  | Máy hút chân không và hàn miệng túi                      | Máy | 2                  |
| 81.  | Máy hút dịch                                             | Máy | 4                  |
| 82.  | Máy hút đờm nhót bằng tay                                | Máy | 2                  |
| 83.  | Máy hút mụn, chăm sóc da đa chức năng                    | Máy | 2                  |
| 84.  | Máy kéo giãn cột sống                                    | Máy | 13                 |
| 85.  | Máy khí dung siêu âm                                     | Máy | 1                  |
| 86.  | Máy kích thích thần kinh                                 | Máy | 2                  |
| 87.  | Máy Laser bán dẫn                                        | Máy | 5                  |
| 88.  | Máy Laser bán dẫn hồng ngoại- quang trị liệu 2 bước sóng | Máy | 1                  |
| 89.  | Máy điều trị laser công suất cao                         | Máy | 2                  |
| 90.  | Máy Laser điều trị                                       | Máy | 2                  |
| 91.  | Máy Laser nội mạch                                       | Máy | 6                  |
| 92.  | Máy Laser quang châm                                     | Máy | 1                  |
| 93.  | Máy ly tâm các loại                                      | Máy | 2                  |
| 94.  | Máy nén ép trị liệu                                      | Máy | 1                  |
| 95.  | Máy nén khí                                              | Máy | 1                  |
| 96.  | Máy phân tích điện giải                                  | Máy | 1                  |
| 97.  | Máy phục hồi chức năng chủ động, thụ động chỉ tại giường | Máy | 3                  |
| 98.  | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh         | Máy | 1                  |
| 99.  | Máy rửa phim                                             | Máy | 1                  |
| 100. | Máy rửa và khử khuẩn dụng cụ                             | Máy | 1                  |
| 101. | Máy sắc thuốc và đóng gói                                | Máy | 10                 |
| 102. | Máy sấy chân không                                       | Máy | 1                  |
| 103. | Máy siêu âm điều trị                                     | Máy | 7                  |
| 104. | Máy siêu âm điều trị                                     | Máy | 2                  |
| 105. | Máy tạo oxy                                              | Máy | 2                  |
| 106. | Máy tập đi bộ                                            | Máy | 2                  |
| 107. | Máy tập đứng và giữ thăng bằng với phần mềm luyện tập    | Máy | 2                  |
| 108. | Máy tập khớp gối                                         | Máy | 2                  |
| 109. | Máy tín hiệu điện có phản hồi, áp lực sinh học           | Máy | 1                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                        | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|---------------------------------------------------|-----|--------------------|
|      | phản hồi và kích thích điện                       |     |                    |
| 110. | Máy trám Composit                                 | Máy | 1                  |
| 111. | Máy từ rung nhiệt                                 | Máy | 2                  |
| 112. | Máy vi sóng                                       | Máy | 1                  |
| 113. | Máy xoa bóp trị liệu                              | Máy | 10                 |
| 114. | Máy xông thuốc các loại                           | Máy | 5                  |
| 115. | Thiết bị điện trị liệu tần số thấp                | Máy | 2                  |
| 116. | Thiết bị điện xung và điện phân trị liệu          | Máy | 1                  |
| 117. | Thiết bị khử mùi khử khuẩn làm sạch không khí     | Máy | 1                  |
| 118. | Thiết bị khử mùi Laser CO2                        | Máy | 1                  |
| 119. | Thiết bị Laser chiếu ngoài                        | Máy | 1                  |
| 120. | Thiết bị tập khớp chi                             | Máy | 2                  |
| 121. | Thiết bị từ trị liệu tần số thấp                  | Máy | 1                  |
| 122. | Thùng nấu sáp paraffin/ Bồn đun paraffin trị liệu | Cái | 3                  |
| 123. | Thùng ngâm túi chườm                              | Cái | 1                  |
| 124. | Tủ ấm các loại                                    | Cái | 1                  |
| 125. | Tủ đựng vị thuốc cổ truyền                        | Cái | 2                  |
| 126. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất               | Cái | 2                  |
| 127. | Tủ lạnh trữ máu                                   | Cái | 1                  |
| 128. | Tủ sấy các loại                                   | Cái | 2                  |
| 129. | Xe đạp lực kế                                     | Cái | 1                  |

**PHỤ LỤC X**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ**  
**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày      tháng      năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                           | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|-----|------------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 1.  | Máy X-quang quanh chóp                               | Máy      | 2               |
| 2.  | Máy siêu âm đàn hồi mô                               | Máy      | 1               |
| 3.  | Máy siêu âm xách tay                                 | Máy      | 3               |
| 4.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                     | Hệ thống | 2               |
| 5.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                    | Hệ thống | 3               |
| 6.  | Máy điện cơ                                          | Máy      | 1               |
| 7.  | Bảng chiếu thị lực                                   | Cái      | 2               |
| 8.  | Bể điều nhiệt/cách thủy                              | Cái      | 3               |
| 9.  | Bộ đặt nội khí quản                                  | Bộ       | 30              |
| 10. | Bộ dụng cụ cấp cứu ban đầu/ Vali cấp cứu chuyên dụng | Bộ       | 60              |
| 11. | Bộ dụng cụ đỡ đẻ                                     | Bộ       | 30              |
| 12. | Bộ dụng cụ khám phụ khoa                             | Bộ       | 30              |
| 13. | Bộ dụng cụ khám răng hàm mặt                         | Bộ       | 30              |
| 14. | Bộ dụng cụ khám và điều trị tai mũi họng             | Bộ       | 30              |
| 15. | Bộ dụng cụ mở khí quản                               | Bộ       | 3               |
| 16. | Bộ dụng cụ nhổ răng                                  | Bộ       | 70              |
| 17. | Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình         | Bộ       | 5               |
| 18. | Bộ dụng cụ rửa dạ dày                                | Bộ       | 32              |
| 19. | Bộ khám ngũ quan                                     | Bộ       | 40              |
| 20. | Bộ khoan xương (Răng hàm mặt)                        | Bộ       | 1               |
| 21. | Bộ tập đa năng                                       | Bộ       | 3               |
| 22. | Cân có thước đo chiều cao và phân tích BME           | Cái      | 18              |
| 23. | Cáng cứu thương đa năng                              | Cái      | 30              |
| 24. | Cáng đẩy (băng ca)                                   | Cái      | 63              |
| 25. | Đèn cực tím                                          | Cái      | 14              |
| 26. | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                      | Cái      | 2               |
| 27. | Đèn soi đáy mắt                                      | Cái      | 6               |
| 28. | Dụng cụ tập khớp gối tự động                         | Bộ       | 2               |
| 29. | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đẻ                             | Bộ       | 30              |
| 30. | Ghế khám mắt                                         | Cái      | 1               |
| 31. | Ghế máy nha khoa                                     | Máy      | 12              |
| 32. | Ghế tập cơ đùi                                       | Cái      | 2               |
| 33. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên          | Cái      | 180             |

| STT | CHUNG LOẠI                                       | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------|----------|--------------------|
|     | dụng                                             |          |                    |
| 34. | Giường tập vật lý trị liệu                       | Cái      | 4                  |
| 35. | Giường xuyên quay                                | Cái      | 2                  |
| 36. | Hệ thống khí y tế                                | Hệ thống | 1                  |
| 37. | Hệ thống oxy cao áp                              | Hệ thống | 1                  |
| 38. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS              | Hệ thống | 1                  |
| 39. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS        | Hệ thống | 1                  |
| 40. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                  | Hệ thống | 1                  |
| 41. | Hệ thống rửa tay vô trùng                        | Hệ thống | 3                  |
| 42. | Hệ thống vi phẫu thuật mắt                       | Hệ thống | 2                  |
| 43. | Hệ thống xử lý nước RO                           | Hệ thống | 2                  |
| 44. | Kẹp lấy dị vật tai                               | Cái      | 32                 |
| 45. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                     | Cái      | 6                  |
| 46. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                              | Cái      | 2                  |
| 47. | Máy bơm hơi vôi trứng                            | Máy      | 1                  |
| 48. | Máy đếm tế bào                                   | Máy      | 1                  |
| 49. | Máy điện châm                                    | Máy      | 35                 |
| 50. | Máy điện phân                                    | Máy      | 1                  |
| 51. | Máy điều trị bằng điện từ trường                 | Máy      | 2                  |
| 52. | Máy điều trị bằng điện xung                      | Máy      | 3                  |
| 53. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                      | Máy      | 3                  |
| 54. | Máy điều trị bằng sóng xung kích                 | Máy      | 2                  |
| 55. | Máy đo chiều dài ống tủy/ Máy định vị chóp răng  | Máy      | 1                  |
| 56. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)            | Máy      | 1                  |
| 57. | Máy đo khúc xạ mắt                               | Máy      | 3                  |
| 58. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)      | Máy      | 9                  |
| 59. | Máy đo tốc độ lắng máu                           | Máy      | 1                  |
| 60. | Máy đốt cổ tử cung                               | Máy      | 1                  |
| 61. | Máy hấp tiệt trùng                               | Máy      | 120                |
| 62. | Máy hút dịch                                     | Máy      | 30                 |
| 63. | Máy kéo giãn cột sống                            | Máy      | 7                  |
| 64. | Máy laser CO2                                    | Máy      | 1                  |
| 65. | Máy laser nội mạch                               | Máy      | 2                  |
| 66. | Máy ly tâm các loại                              | Máy      | 31                 |
| 67. | Máy nghe tim thai doppler                        | Máy      | 3                  |
| 68. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh | Máy      | 2                  |
| 69. | Máy rửa phim                                     | Máy      | 2                  |
| 70. | Máy rửa, khử khuẩn bằng sóng siêu âm             | Máy      | 1                  |
| 71. | Máy sắc thuốc và đóng gói                        | Máy      | 1                  |
| 72. | Máy siêu âm cầm tay                              | Máy      | 17                 |
| 73. | Máy siêu âm điều trị                             | Máy      | 2                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                                 | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|------------------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 74. | Máy siêu âm mắt A-B                                        | Máy | 1                  |
| 75. | Máy soi tĩnh mạch                                          | Máy | 3                  |
| 76. | Máy tán sỏi                                                | Máy | 1                  |
| 77. | Máy tạo oxy                                                | Máy | 30                 |
| 78. | Máy tập phản xạ                                            | Máy | 1                  |
| 79. | Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma              | Máy | 1                  |
| 80. | Máy trị liệu bằng liệu pháp tăng áp                        | Máy | 1                  |
| 81. | Máy xét nghiệm Gene Xpert                                  | Máy | 1                  |
| 82. | Máy xét nghiệm HBA1C                                       | Máy | 3                  |
| 83. | Thiết bị điều trị vàng da                                  | Máy | 3                  |
| 84. | Thiết bị soi ối                                            | Máy | 1                  |
| 85. | Thùng bảo quản mẫu, vaccine/ Phích đựng vaccine, sinh phẩm | Cái | 16                 |
| 86. | Thùng nấu sáp paraffin/ Bồn đun paraffin trị liệu          | Cái | 3                  |
| 87. | Tủ ấm các loại                                             | Cái | 2                  |
| 88. | Tủ an toàn sinh học                                        | Cái | 2                  |
| 89. | Tủ hút khí độc                                             | Cái | 10                 |
| 90. | Tủ lạnh bảo quản mẫu                                       | Cái | 2                  |
| 91. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất                        | Cái | 30                 |
| 92. | Tủ lạnh trữ máu                                            | Cái | 2                  |
| 93. | Tủ mát các loại                                            | Cái | 6                  |
| 94. | Xe đạp lực kế                                              | Cái | 1                  |

**PHỤ LỤC XI**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ, CÁC TRẠM Y TẾ**  
**VÀ PHÒNG KHÁM ĐA KHOA KHU VỰC HUYỆN VĨNH CỬU**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày      tháng      năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                       | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 1.  | Máy X-quang thường quy                           | Máy      | 4               |
| 2.  | Máy siêu âm xách tay                             | Máy      | 4               |
| 3.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                | Hệ thống | 2               |
| 4.  | Máy phân tích điện giải                          | Hệ thống | 3               |
| 5.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                | Hệ thống | 6               |
| 6.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                 | Hệ thống | 3               |
| 7.  | Máy xét nghiệm HbA1c                             | Máy      | 3               |
| 8.  | Máy phân tích khí máu                            | Máy      | 1               |
| 9.  | Bộ đặt nội khí quản                              | Bộ       | 22              |
| 10. | Bộ đặt nội khí quản nhi/ sơ sinh                 | Bộ       | 3               |
| 11. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt trĩ                    | Bộ       | 6               |
| 12. | Bộ ghế ngồi kéo cổ                               | Bộ       | 6               |
| 13. | Bộ ghế tập mạnh tay chân                         | Bộ       | 6               |
| 14. | Bộ khám ngũ quan                                 | Bộ       | 16              |
| 15. | Bộ kính thử thị lực                              | Bộ       | 4               |
| 16. | Bộ soi bóng đồng tử khúc xạ                      | Bộ       | 4               |
| 17. | Cáng cứu thương đa năng                          | Cái      | 19              |
| 18. | Đèn Clar                                         | Cái      | 20              |
| 19. | Đèn hồng ngoại                                   | Cái      | 12              |
| 20. | Đèn khám bệnh treo trần                          | Cái      | 4               |
| 21. | Đèn khám mắt hình búa                            | Cái      | 0               |
| 22. | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                  | Cái      | 1               |
| 23. | Đèn soi đáy mắt                                  | Cái      | 4               |
| 24. | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đỡ                         | Bộ       | 6               |
| 25. | Ghế máy nha khoa                                 | Máy      | 6               |
| 26. | Ghế tập cơ đùi                                   | Cái      | 6               |
| 27. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng | Cái      | 420             |
| 28. | Giường kéo giãn cột sống                         | Cái      | 8               |
| 29. | Giường tập vật lý trị liệu                       | Cái      | 8               |
| 30. | Hệ thống khí y tế                                | Hệ thống | 3               |
| 31. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS              | Hệ thống | 1               |
| 32. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS        | Hệ thống | 1               |

| STT | CHUNG LOẠI                                                                              | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 33. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                                                         | Hệ thống | 1                  |
| 34. | Hệ thống PCR Real Time                                                                  | Hệ thống | 1                  |
| 35. | Hệ thống rửa tay vô trùng                                                               | Hệ thống | 6                  |
| 36. | Hệ thống xử lý nước RO                                                                  | Hệ thống | 1                  |
| 37. | Hệ thống rửa quả lọc thận                                                               | Hệ thống | 1                  |
| 38. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                                                            | Cái      | 17                 |
| 39. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính có tích hợp máy chụp ảnh vi thể kỹ thuật số và máy vi tính | Cái      | 3                  |
| 40. | Máy căn VS tự động                                                                      | Máy      | 1                  |
| 41. | Máy cạo vôi răng                                                                        | Máy      | 6                  |
| 42. | Máy châm cứu                                                                            | Máy      | 2                  |
| 43. | Máy điều trị bằng điện từ trường                                                        | Máy      | 2                  |
| 44. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                                                             | Máy      | 2                  |
| 45. | Máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ                                                 | Máy      | 1                  |
| 46. | -Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)                                                  | Máy      | 2                  |
| 47. | Máy đo HCT tại giường                                                                   | Máy      | 3                  |
| 48. | Máy đo khúc xạ mắt                                                                      | Máy      | 3                  |
| 49. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)                                             | Máy      | 43                 |
| 50. | Máy đo thính lực/ Máy đo nhĩ lượng                                                      | Máy      | 3                  |
| 51. | Máy đo tốc độ lắng máu                                                                  | Máy      | 3                  |
| 52. | Máy đốt cổ tử cung                                                                      | Máy      | 3                  |
| 53. | Máy hấp tiệt trùng                                                                      | Máy      | 17                 |
| 54. | Máy hút dịch                                                                            | Máy      | 33                 |
| 55. | Máy hút dịch liên tục áp lực thấp                                                       | Máy      | 3                  |
| 56. | Máy hút thai                                                                            | Máy      | 5                  |
| 57. | Máy khí dung siêu âm                                                                    | Máy      | 3                  |
| 58. | Máy kích điện xung                                                                      | Máy      | 3                  |
| 59. | Máy laser CO2                                                                           | Máy      | 3                  |
| 60. | Máy Laser quang châm                                                                    | Máy      | 4                  |
| 61. | Máy nghe tim thai doppler                                                               | Máy      | 15                 |
| 62. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh                                        | Máy      | 8                  |
| 63. | Máy siêu âm điều trị                                                                    | Máy      | 3                  |
| 64. | Máy tạo oxy                                                                             | Máy      | 66                 |
| 65. | Máy trám răng                                                                           | Máy      | 6                  |
| 66. | Thanh song song                                                                         | Cái      | 4                  |
| 67. | Thiết bị điều trị vàng da                                                               | Máy      | 4                  |
| 68. | Tủ ấm các loại                                                                          | Cái      | 4                  |
| 69. | Tủ bảo quản bệnh phẩm                                                                   | Cái      | 6                  |
| 70. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất                                                     | Cái      | 19                 |
| 71. | Tủ lạnh trữ máu                                                                         | Cái      | 2                  |
| 72. | Tủ rửa sấy phim                                                                         | Cái      | 1                  |

| STT | CHUNG LOẠI      | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-----------------|-----|--------------------|
| 73. | Tủ sấy các loại | Cái | 16                 |

## PHỤ LỤC XII

### TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ HUYỆN THỐNG NHẤT

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                        | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|---------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy X-quang răng                                  | Máy      | 1                  |
| 2.  | Máy siêu âm xách tay                              | Máy      | 2                  |
| 3.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                  | Hệ thống | 2                  |
| 4.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                 | Hệ thống | 1                  |
| 5.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                 | Máy      | 2                  |
| 6.  | Máy điện cơ                                       | Máy      | 1                  |
| 7.  | Bộ đặt nội khí quản                               | Bộ       | 7                  |
| 8.  | Bộ đặt nội khí quản nhi/ sơ sinh                  | Bộ       | 3                  |
| 9.  | Bộ dụng cụ chích chấp lẹo                         | Bộ       | 10                 |
| 10. | Bộ dụng cụ đỡ đẻ                                  | Bộ       | 35                 |
| 11. | Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa                      | Bộ       | 50                 |
| 12. | Bộ dụng cụ khâu vết thương                        | Bộ       | 20                 |
| 13. | Bộ dụng cụ mở khí quản                            | Bộ       | 2                  |
| 14. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt tử cung                 | Bộ       | 2                  |
| 15. | Bộ dụng cụ tiểu phẫu                              | Bộ       | 15                 |
| 16. | Bộ tháo vòng tránh thai                           | Bộ       | 20                 |
| 17. | Thùng nấu sáp paraffin/ Bồn đun paraffin trị liệu | Cái      | 1                  |
| 18. | Cáng cứu thương đa năng                           | Cái      | 2                  |
| 19. | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                   | Cái      | 1                  |
| 20. | Dụng cụ tập khớp gối tự động                      | Bộ       | 1                  |
| 21. | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đẻ                          | Bộ       | 2                  |
| 22. | Ghế khám mắt                                      | Cái      | 1                  |
| 23. | Ghế máy nha khoa                                  | Máy      | 3                  |
| 24. | Ghế tập cơ đùi                                    | Cái      | 1                  |
| 25. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng  | Cái      | 205                |
| 26. | Giường sưởi ấm trẻ sơ sinh                        | Cái      | 1                  |
| 27. | Hệ thống khí y tế                                 | Hệ thống | 1                  |
| 28. | Hệ thống mổ phaco                                 | Hệ thống | 1                  |
| 29. | Hệ thống oxy cao áp                               | Hệ thống | 1                  |
| 30. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS               | Hệ thống | 1                  |
| 31. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS         | Hệ thống | 1                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                              | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|---------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 32. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                         | Hệ thống | 1                  |
| 33. | Hệ thống sinh hóa máu tự động                           | Hệ thống | 1                  |
| 34. | Kính lúp đội đầu                                        | Cái      | 1                  |
| 35. | Kính Volk                                               | Cái      | 1                  |
| 36. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                                     | Cái      | 2                  |
| 37. | Máy điều trị bằng điện từ trường                        | Máy      | 1                  |
| 38. | Máy điều trị bằng điện xung                             | Máy      | 1                  |
| 39. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                             | Máy      | 1                  |
| 40. | Máy điều trị bằng sóng xung kích                        | Máy      | 1                  |
| 41. | Máy đo nhãn áp                                          | Máy      | 1                  |
| 42. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)             | Máy      | 5                  |
| 43. | Máy hấp tiệt trùng                                      | Máy      | 4                  |
| 44. | Máy hút dịch                                            | Máy      | 7                  |
| 45. | Máy kéo giãn cột sống                                   | Máy      | 3                  |
| 46. | Máy ly tâm các loại                                     | Máy      | 1                  |
| 47. | Máy đo tốc độ lắng máu tự động                          | Máy      | 1                  |
| 48. | Máy nén ép trị liệu                                     | Máy      | 1                  |
| 49. | Máy nhổ răng khôn bằng công nghệ sóng siêu âm Piezotome | Máy      | 1                  |
| 50. | Máy nghe tim thai doppler                               | Máy      | 2                  |
| 51. | Máy nội nha                                             | Máy      | 1                  |
| 52. | Máy phân tích điện giải                                 | Máy      | 1                  |
| 53. | Máy sắc thuốc và đóng gói                               | Máy      | 2                  |
| 54. | Máy soi tĩnh mạch                                       | Máy      | 3                  |
| 55. | Máy tạo oxy                                             | Máy      | 3                  |
| 56. | Máy rửa phim                                            | Máy      | 1                  |
| 57. | Máy xét nghiệm HBA1C                                    | Máy      | 1                  |
| 58. | Thiết bị điều trị vàng da                               | Máy      | 5                  |
| 59. | Tủ âm                                                   | Cái      | 1                  |
| 60. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất                     | Cái      | 5                  |
| 61. | Tủ lạnh trữ máu                                         | Cái      | 2                  |
| 62. | Tủ sấy các loại                                         | Cái      | 3                  |
| 63. | Xe đạp lực kế                                           | Cái      | 1                  |

**PHỤ LỤC XIII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ**  
**HUYỆN TRẢNG BOM**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày        tháng        năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                       | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy X-quang quanh chóp                           | Máy      | 1                  |
| 2.  | Máy X-quang toàn cảnh kỹ thuật số                | Máy      | 1                  |
| 3.  | Máy siêu âm xách tay                             | Máy      | 17                 |
| 4.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                 | Hệ thống | 2                  |
| 5.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                | Hệ thống | 9                  |
| 6.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                | Máy      | 13                 |
| 7.  | Bàn kéo nắn chấn thương chỉnh hình               | Cái      | 1                  |
| 8.  | Bàn sưởi ấm, hồi sức sơ sinh                     | Cái      | 1                  |
| 9.  | Bộ đặt nội khí quản                              | Bộ       | 9                  |
| 10. | Bộ dụng cụ đinh chốt cẳng chân                   | Bộ       | 1                  |
| 11. | Bộ dụng cụ đinh chốt đùi                         | Bộ       | 1                  |
| 12. | Bộ dụng cụ khám và điều trị tai mũi họng         | Bộ       | 1                  |
| 13. | Bộ dụng cụ thông và bơm rửa lệ đạo               | Bộ       | 6                  |
| 14. | Bộ kính thử thị lực                              | Bộ       | 1                  |
| 15. | Bộ máy mài cắt kính tự động                      | Máy      | 1                  |
| 16. | Bộ nội soi thanh quản                            | Bộ       | 3                  |
| 17. | Bộ soi bóng đồng tử khúc xạ                      | Bộ       | 1                  |
| 18. | Bộ trợ cụ nép chi trên                           | Bộ       | 2                  |
| 19. | Bơm định liều                                    | Cái      | 2                  |
| 20. | Cáng cứu thương đa năng                          | Cái      | 2                  |
| 21. | Đèn khám mắt hình búa                            | Cái      | 1                  |
| 22. | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                  | Cái      | 2                  |
| 23. | Đèn soi đáy mắt                                  | Cái      | 2                  |
| 24. | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đẻ                         | Bộ       | 2                  |
| 25. | Ghế khám mắt                                     | Cái      | 1                  |
| 26. | Ghế máy nha khoa                                 | Máy      | 12                 |
| 27. | Ghế tập cơ đùi                                   | Cái      | 1                  |
| 28. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng | Cái      | 471                |
| 29. | Hệ thống khí y tế                                | Hệ thống | 1                  |
| 30. | Hệ thống khoan - bào mô                          | Hệ thống | 1                  |
| 31. | Hệ thống kiểm tra thị lực                        | Hệ thống | 1                  |
| 32. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS              | Hệ thống | 1                  |
| 33. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS        | Hệ thống | 1                  |
| 34. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                  | Hệ thống | 1                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                         | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|----------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 35. | Hệ thống rửa quả lọc thận                          | Hệ thống | 5                  |
| 36. | Hệ thống xử lý nước RO                             | Hệ thống | 2                  |
| 37. | Kính Volk                                          | Cái      | 3                  |
| 38. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                                | Cái      | 1                  |
| 39. | Máy cạo vôi răng                                   | Máy      | 3                  |
| 40. | Máy chẩn đoán mạch (Lưu huyết não - Lưu huyết chi) | Máy      | 1                  |
| 41. | Máy cưa bột                                        | Máy      | 1                  |
| 42. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                        | Máy      | 1                  |
| 43. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)              | Máy      | 3                  |
| 44. | Máy đo độ loãng xương                              | Máy      | 1                  |
| 45. | Máy đo khúc xạ mắt                                 | Máy      | 1                  |
| 46. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)        | Máy      | 400                |
| 47. | Máy đốt cổ tử cung                                 | Máy      | 1                  |
| 48. | Máy hấp tiệt trùng                                 | Máy      | 12                 |
| 49. | Máy hút dịch                                       | Máy      | 17                 |
| 50. | Máy hút thai                                       | Máy      | 1                  |
| 51. | Máy kéo giãn cột sống                              | Máy      | 2                  |
| 52. | Máy khoan xương điện                               | Máy      | 1                  |
| 53. | Máy laser điều trị                                 | Máy      | 1                  |
| 54. | Máy laser nội mạch                                 | Máy      | 1                  |
| 55. | Máy ly tâm các loại                                | Máy      | 2                  |
| 56. | Máy ly tâm máu                                     | Máy      | 2                  |
| 57. | Máy nội nha                                        | Máy      | 1                  |
| 58. | Máy phân tích điện giải                            | Máy      | 1                  |
| 59. | Máy rửa dạ dày                                     | Máy      | 1                  |
| 60. | Máy tán sỏi                                        | Máy      | 1                  |
| 61. | Máy tạo oxy                                        | Máy      | 166                |
| 62. | Máy tập khớp gối                                   | Máy      | 1                  |
| 63. | Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma      | Máy      | 1                  |
| 64. | Máy trám răng                                      | Máy      | 1                  |
| 65. | Sinh hiển vi phẫu thuật                            | Cái      | 1                  |
| 66. | Tay khoan siêu tốc                                 | Cái      | 2                  |
| 67. | Thiết bị điều trị vàng da                          | Máy      | 1                  |
| 68. | Thùng nấu sáp paraffin/ Bồn đun paraffin trị liệu  | Cái      | 1                  |
| 69. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất                | Cái      | 5                  |
| 70. | Tủ sấy các loại                                    | Cái      | 17                 |

**PHỤ LỤC XIV**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ, CÁC TRẠM Y TẾ**  
**VÀ PHÒNG KHÁM ĐA KHOA KHU VỰC HUYỆN CẨM MỸ**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày      tháng      năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                    | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy X-quang quanh chóp                        | Máy      | 2                  |
| 2.  | Máy siêu âm đàn hồi mô                        | Máy      | 1                  |
| 3.  | Máy siêu âm xách tay                          | Máy      | 2                  |
| 4.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại              | Hệ thống | 1                  |
| 5.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại             | Hệ thống | 6                  |
| 6.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại             | Hệ thống | 12                 |
| 7.  | Máy điện cơ                                   | Máy      | 1                  |
| 8.  | Bàn kéo nắn chấn thương chỉnh hình            | Cái      | 1                  |
| 9.  | Bàn sanh, khám sản khoa                       | Cái      | 17                 |
| 10. | Bộ đặt nội khí quản                           | Bộ       | 8                  |
| 11. | Bộ dụng cụ bóc lột tĩnh mạch                  | Bộ       | 5                  |
| 12. | Bộ dụng cụ chích chấp leo                     | Bộ       | 3                  |
| 13. | Bộ dụng cụ đại phẫu                           | Bộ       | 2                  |
| 14. | Bộ dụng cụ đình sản nữ                        | Bộ       | 10                 |
| 15. | Bộ dụng cụ khám và điều trị tai mũi họng      | Bộ       | 2                  |
| 16. | Bộ dụng cụ lấy dị vật giác mạc                | Bộ       | 2                  |
| 17. | Bộ dụng cụ lấy mẫu bệnh phẩm                  | Bộ       | 2                  |
| 18. | Bộ dụng cụ mổ đẻ và cắt dạ con                | Bộ       | 2                  |
| 19. | Bộ dụng cụ mở khí quản                        | Bộ       | 3                  |
| 20. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt amidan, nạo VA      | Bộ       | 2                  |
| 21. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt tử cung             | Bộ       | 3                  |
| 22. | Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình  | Bộ       | 7                  |
| 23. | Bộ dụng cụ phẫu thuật mũi xoang               | Bộ       | 2                  |
| 24. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ngoại tổng quát | Bộ       | 2                  |
| 25. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng          | Bộ       | 3                  |
| 26. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi sản phụ khoa    | Bộ       | 2                  |
| 27. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tai mũi họng    | Bộ       | 2                  |
| 28. | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tiêu hóa        | Bộ       | 2                  |
| 29. | Bộ dụng cụ phẫu thuật quặm, mộng mắt          | Bộ       | 2                  |
| 30. | Bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa            | Bộ       | 2                  |
| 31. | Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu               | Bộ       | 2                  |
| 32. | Bộ dụng cụ tiểu phẫu                          | Bộ       | 25                 |
| 33. | Bộ dụng cụ trung phẫu                         | Bộ       | 2                  |
| 34. | Bộ kéo chấn thương chỉnh hình                 | Bộ       | 1                  |
| 35. | Bộ khám ngũ quan                              | Bộ       | 4                  |
| 36. | Bộ khoan xương (Răng hàm mặt)                 | Bộ       | 1                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                                 | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|------------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 37. | Bộ kính thử thị lực                                        | Bộ       | 2                  |
| 38. | Bộ nội soi thanh quản                                      | Bộ       | 1                  |
| 39. | Bộ tập đa năng                                             | Bộ       | 6                  |
| 40. | Bộ xét nghiệm côn trùng/ký sinh trùng                      | Bộ       | 2                  |
| 41. | Bơm hút chân không                                         | Cái      | 13                 |
| 42. | Thùng nấu sáp paraffin/ Bồn đun paraffin trị liệu          | Cái      | 5                  |
| 43. | Bồn rửa mắt                                                | Cái      | 2                  |
| 44. | Bồn rửa tay phẫu thuật các loại                            | Cái      | 2                  |
| 45. | Cáng cứu thương đa năng                                    | Cái      | 2                  |
| 46. | Cáng đẩy (băng ca)                                         | Cái      | 35                 |
| 47. | Đèn Clar                                                   | Cái      | 2                  |
| 48. | Đèn cực tím                                                | Cái      | 10                 |
| 49. | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                            | Cái      | 2                  |
| 50. | Đèn soi đáy mắt                                            | Cái      | 5                  |
| 51. | Đèn soi bóng đồng tử                                       | Cái      | 2                  |
| 52. | Dụng cụ tập khớp gối tự động                               | Bộ       | 4                  |
| 53. | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đẻ                                   | Bộ       | 2                  |
| 54. | Ghế khám mắt                                               | Cái      | 1                  |
| 55. | Ghế máy nha khoa                                           | Máy      | 17                 |
| 56. | Ghế tập cơ đùi                                             | Cái      | 2                  |
| 57. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng           | Cái      | 303                |
| 58. | Giường kéo giãn cột sống                                   | Cái      | 1                  |
| 59. | Giường xuyên quay                                          | Cái      | 2                  |
| 60. | Hệ thống chiếu thử thị lực điện tử                         | Máy      | 2                  |
| 61. | Hệ thống chuẩn bị ống mẫu (mã Barcode xét nghiệm tự động)  | Hệ thống | 1                  |
| 62. | Hệ thống khí y tế                                          | Hệ thống | 1                  |
| 63. | Hệ thống khoan, cưa, mài các loại                          | Hệ thống | 1                  |
| 64. | Hệ thống oxy cao áp                                        | Hệ thống | 1                  |
| 65. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS                        | Hệ thống | 1                  |
| 66. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS                  | Hệ thống | 1                  |
| 67. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                            | Hệ thống | 1                  |
| 68. | Hệ thống rửa quả lọc thận                                  | Hệ thống | 2                  |
| 69. | Hệ thống rửa tay vô trùng                                  | Hệ thống | 1                  |
| 70. | Hệ thống vi phẫu thuật mắt                                 | Hệ thống | 1                  |
| 71. | Hệ thống xử lý nước RO                                     | Hệ thống | 3                  |
| 72. | Thùng bảo quản mẫu, vaccine/ Phích đựng vaccine, sinh phẩm | Cái      | 8                  |
| 73. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                               | Cái      | 15                 |
| 74. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                                        | Cái      | 6                  |
| 75. | Máy bơm CO2                                                | Máy      | 1                  |
| 76. | Máy bơm hơi vôi trứng                                      | Máy      | 1                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                       | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|--------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 77.  | Máy châm cứu                                     | Máy | 25                 |
| 78.  | Máy cưa bột                                      | Máy | 2                  |
| 79.  | Máy điện phân                                    | Máy | 4                  |
| 80.  | Máy điều trị bằng điện từ trường                 | Máy | 4                  |
| 81.  | Máy điều trị bằng điện xung                      | Máy | 4                  |
| 82.  | Máy điều trị bằng sóng ngắn                      | Máy | 4                  |
| 83.  | Máy điều trị bằng sóng xung kích                 | Máy | 2                  |
| 84.  | Máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ          | Máy | 1                  |
| 85.  | Máy định nhóm máu các loại                       | Máy | 1                  |
| 86.  | Máy đo chiều dài ống tủy/ Máy định vị chóp răng  | Máy | 1                  |
| 87.  | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)            | Máy | 2                  |
| 88.  | Máy đo độ giãn cơ                                | Máy | 1                  |
| 89.  | Máy đo độ loãng xương                            | Máy | 1                  |
| 90.  | Máy đo độ mê                                     | Máy | 1                  |
| 91.  | Máy đo khúc xạ mắt                               | Máy | 2                  |
| 92.  | Máy đo lực bóp tay                               | Máy | 3                  |
| 93.  | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)      | Máy | 15                 |
| 94.  | Máy đo thị lực                                   | Máy | 1                  |
| 95.  | Máy đo thính lực/ Máy đo nhĩ lượng               | Máy | 1                  |
| 96.  | Máy dò và gây tê thần kinh                       | Máy | 1                  |
| 97.  | Máy đốt cổ tử cung                               | Máy | 1                  |
| 98.  | Máy hấp tiệt trùng                               | Máy | 18                 |
| 99.  | Máy hút dịch                                     | Máy | 28                 |
| 100. | Máy kéo giãn cột sống                            | Máy | 7                  |
| 101. | Máy khoan xương điện                             | Máy | 2                  |
| 102. | Máy khuấy từ                                     | Cái | 1                  |
| 103. | Máy lắc các loại                                 | Máy | 1                  |
| 104. | Máy laser CO2                                    | Máy | 2                  |
| 105. | Máy laser nội mạch                               | Máy | 8                  |
| 106. | Máy ly tâm các loại                              | Máy | 19                 |
| 107. | Máy đo tốc độ lắng máu                           | Máy | 1                  |
| 108. | Máy nghe tim thai doppler                        | Máy | 20                 |
| 109. | Máy phân tích điện giải                          | Máy | 1                  |
| 110. | Máy phân tích khí máu                            | Máy | 1                  |
| 111. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh | Máy | 5                  |
| 112. | Máy rửa phim                                     | Máy | 2                  |
| 113. | Máy rửa và khử khuẩn dụng cụ                     | Máy | 1                  |
| 114. | Máy sắc thuốc và đóng gói                        | Máy | 3                  |
| 115. | Máy siêu âm điều trị                             | Máy | 5                  |
| 116. | Máy siêu âm mắt A-B                              | Máy | 1                  |
| 117. | Máy soi tĩnh mạch                                | Máy | 3                  |

| STT  | CHUNG LOẠI                                    | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|------|-----------------------------------------------|-----|--------------------|
| 118. | Máy soi và phân tích da                       | Máy | 1                  |
| 119. | Máy tán sỏi                                   | Máy | 1                  |
| 120. | Máy tập phản xạ                               | Máy | 3                  |
| 121. | Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma | Máy | 2                  |
| 122. | Máy trị liệu bằng liệu pháp tăng áp           | Máy | 2                  |
| 123. | Máy truyền máu                                | Máy | 1                  |
| 124. | Máy xét nghiệm HBA1C                          | Máy | 1                  |
| 125. | Máy xét nghiệm heamatoric                     | Máy | 1                  |
| 126. | Máy xét nghiệm vi khuẩn HP                    | Máy | 1                  |
| 127. | Máy xông hơi                                  | Máy | 2                  |
| 128. | Nồi luộc dụng cụ                              | Cái | 5                  |
| 129. | Thiết bị điều trị vàng da                     | Máy | 3                  |
| 130. | Thiết bị khử mùi khử khuẩn làm sạch không khí | Máy | 12                 |
| 131. | Thiết bị rửa dụng cụ bằng siêu âm             | Máy | 1                  |
| 132. | Thiết bị soi ối                               | Máy | 1                  |
| 133. | Tủ âm các loại                                | Cái | 3                  |
| 134. | Tủ an toàn sinh học                           | Cái | 3                  |
| 135. | Tủ bảo quản âm sâu                            | Cái | 1                  |
| 136. | Tủ lạnh bảo quản 4-8 độ                       | Cái | 25                 |
| 137. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất           | Cái | 7                  |
| 138. | Tủ lạnh trữ máu                               | Cái | 3                  |
| 139. | Tủ sấy các loại                               | Cái | 19                 |
| 140. | Xe đạp lực kế                                 | Cái | 1                  |

**PHỤ LỤC XV**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ**  
**HUYỆN XUÂN LỘC**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày        tháng        năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy X-quang toàn cảnh kỹ thuật số         | Máy      | 1                  |
| 2.  | Máy siêu âm đàn hồi mô                    | Máy      | 1                  |
| 3.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại          | Hệ thống | 4                  |
| 4.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại         | Hệ thống | 4                  |
| 5.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại         | Hệ thống | 8                  |
| 6.  | Máy điện cơ                               | Máy      | 1                  |
| 7.  | Bộ đặt nội khí quản                       | Bộ       | 10                 |
| 8.  | Bộ dụng cụ khử tiệt trùng dụng cụ nội soi | Bộ       | 1                  |
| 9.  | Bộ dụng cụ mở khí quản                    | Bộ       | 5                  |
| 10. | Bộ khoan xương (Răng hàm mặt)             | Bộ       | 1                  |
| 11. | Bộ tập đa năng                            | Bộ       | 5                  |
| 12. | Bồn Parafin                               | Cái      |                    |
| 13. | Cáng cứu thương đa năng                   | Cái      | 2                  |
| 14. | Đèn cực tím                               | Cái      | 15                 |
| 15. | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)           | Cái      | 1                  |
| 16. | Dụng cụ tập khớp gối tự động              | Bộ       | 3                  |
| 17. | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đỡ                  | Bộ       | 2                  |
| 18. | Ghế máy nha khoa                          | Máy      | 31                 |
| 19. | Ghế tập cơ đùi                            | Cái      | 3                  |
| 20. | Giường kéo giãn cột sống                  | Cái      | 4                  |
| 21. | Hệ thống khí y tế                         | Hệ thống | 1                  |
| 22. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS       | Hệ thống | 1                  |
| 23. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS | Hệ thống | 1                  |
| 24. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS           | Hệ thống | 1                  |
| 25. | Hệ thống rửa quả lọc thận                 | Hệ thống | 2                  |
| 26. | Hệ thống rửa tay vô trùng                 | Hệ thống | 4                  |
| 27. | Hệ thống vi phẫu thuật mắt                | Hệ thống | 1                  |
| 28. | Hệ thống xử lý nước RO                    | Hệ thống | 5                  |
| 29. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                       | Cái      | 6                  |
| 30. | Máy bơm hơi vòi trứng                     | Máy      | 1                  |
| 31. | Máy cắt gòn                               | Máy      | 2                  |
| 32. | Máy cắt trĩ Laser                         | Máy      | 1                  |
| 33. | Máy châm cứu                              | Máy      | 6                  |
| 34. | Máy điện phân                             | Máy      | 3                  |
| 35. | Máy điều trị bằng điện từ trường          | Máy      | 5                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                                 | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|------------------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 36. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                                | Máy | 7                  |
| 37. | Máy điều trị bằng sóng xung kích                           | Máy | 2                  |
| 38. | Máy điều trị bằng điện xung                                | Máy | 1                  |
| 39. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)                      | Máy | 1                  |
| 40. | Máy đo độ loãng xương                                      | Máy | 2                  |
| 41. | Máy đo huyết áp tứ chi ABI                                 | Máy | 1                  |
| 42. | Máy đo khúc xạ mắt                                         | Máy | 5                  |
| 43. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)                | Máy | 45                 |
| 44. | Máy đốt cổ tử cung                                         | Máy | 2                  |
| 45. | Máy hấp tiệt trùng                                         | Máy | 14                 |
| 46. | Máy hút dịch                                               | Máy | 12                 |
| 47. | Máy kéo giãn cột sống                                      | Máy | 3                  |
| 48. | Máy khoan điện                                             | Máy | 4                  |
| 49. | Máy kích thích thần kinh                                   | Máy | 3                  |
| 50. | Máy laser bán dẫn                                          | Máy | 4                  |
| 51. | Máy laser CO2                                              | Máy | 3                  |
| 52. | Máy ly tâm các loại                                        | Máy | 7                  |
| 53. | Máy massage nén khí                                        | Máy | 1                  |
| 54. | Máy nghe tim thai doppler                                  | Máy | 5                  |
| 55. | Máy phân tích điện giải                                    | Máy | 3                  |
| 56. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh           | Máy | 6                  |
| 57. | Máy rửa phim                                               | Máy | 2                  |
| 58. | Máy sắc thuốc và đóng gói                                  | Máy | 6                  |
| 59. | Máy siêu âm điều trị                                       | Máy | 5                  |
| 60. | Máy siêu âm mắt A-B                                        | Máy | 1                  |
| 61. | Máy soi tĩnh mạch                                          | Máy | 3                  |
| 62. | Máy tán sỏi                                                | Máy | 1                  |
| 63. | Máy tập phản xạ                                            | Máy | 2                  |
| 64. | Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma              | Máy | 1                  |
| 65. | Máy trị liệu bằng liệu pháp tăng áp                        | Máy | 2                  |
| 66. | Thiết bị soi ối                                            | Máy | 1                  |
| 67. | Thùng bảo quản mẫu, vaccine/ Phích đựng vaccine, sinh phẩm | Cái | 33                 |
| 68. | Thùng nấu sáp paraffin/ Bồn đun paraffin trị liệu          | Cái | 4                  |
| 69. | Tủ an toàn sinh học                                        | Cái | 3                  |
| 70. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất                        | Cái | 20                 |
| 71. | Tủ lạnh trữ máu                                            | Cái | 4                  |
| 72. | Xe đạp lực kế                                              | Cái | 4                  |
| 73. | Máy đo chiều dài ống tủy/ Máy định vị chóp răng            | Máy | 1                  |

**PHỤ LỤC XVI**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ**  
**HUYỆN NHƠN TRẠCH**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày        tháng        năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                          | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 1.  | Máy siêu âm xách tay                                | Máy      | 2               |
| 2.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                   | Hệ thống | 2               |
| 3.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                   | Máy      | 2               |
| 4.  | Máy điện cơ                                         | Máy      | 2               |
| 5.  | Bàn sanh, khám sản khoa                             | Cái      | 4               |
| 6.  | Bàn sưởi ấm, hồi sức sơ sinh                        | Cái      | 4               |
| 7.  | Bảng chiếu thị lực                                  | Cái      | 1               |
| 8.  | Bộ đặt nội khí quản                                 | Bộ       | 10              |
| 9.  | Bộ dụng cụ chích sử dụng cho các phòng bức xạ tia x | Bộ       | 10              |
| 10. | Bộ dụng cụ mở khí quản                              | Bộ       | 3               |
| 11. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt amidan, nạo VA            | Bộ       | 2               |
| 12. | Bộ dụng cụ phẫu thuật tai mũi họng                  | Bộ       | 1               |
| 13. | Bộ khám ngũ quan                                    | Bộ       | 14              |
| 14. | Bộ tập đa năng                                      | Bộ       | 2               |
| 15. | Thùng nấu sáp paraffin/ Bồn đun paraffin trị liệu   | Cái      | 2               |
| 16. | Bồn rửa tay phẫu thuật các loại                     | Cái      | 2               |
| 17. | Cáng cứu thương đa năng                             | Cái      | 22              |
| 18. | Đèn cực tím                                         | Cái      | 7               |
| 19. | Đèn hồng ngoại                                      | Cái      | 20              |
| 20. | Đèn soi đáy mắt                                     | Cái      | 2               |
| 21. | Dụng cụ tập khớp gối tự động                        | Bộ       | 3               |
| 22. | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đẻ                            | Bộ       | 2               |
| 23. | Ghế khám mắt                                        | Cái      | 1               |
| 24. | Ghế máy nha khoa                                    | Máy      | 3               |
| 25. | Ghế tập cơ đùi                                      | Cái      | 2               |
| 26. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng    | Cái      | 524             |
| 27. | Giường tập vật lý trị liệu                          | Cái      | 3               |
| 28. | Giường xuyên quay                                   | Cái      | 2               |
| 29. | Hệ thống khí y tế                                   | Hệ thống | 2               |
| 30. | Hệ thống khoan, cưa, mài các loại                   | Hệ thống | 1               |
| 31. | Hệ thống oxy cao áp                                 | Hệ thống | 1               |
| 32. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS                 | Hệ thống | 1               |
| 33. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS           | Hệ thống | 1               |
| 34. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                     | Hệ thống | 1               |

| STT | CHUNG LOẠI                                       | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 35. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                              | Cái | 2                  |
| 36. | Máy cạo vôi răng                                 | Máy | 2                  |
| 37. | Máy châm cứu                                     | Máy | 44                 |
| 38. | Máy điện châm                                    | Máy | 20                 |
| 39. | Máy điện phân                                    | Máy | 2                  |
| 40. | Máy điều trị bằng điện từ trường                 | Máy | 2                  |
| 41. | Máy điều trị bằng điện xung                      | Máy | 2                  |
| 42. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                      | Máy | 2                  |
| 43. | Máy điều trị bằng sóng xung kích                 | Máy | 2                  |
| 44. | Máy đo chiều dài ống tủy/ Máy định vị chóp răng  | Máy | 1                  |
| 45. | Máy đo độ loãng xương                            | Máy | 3                  |
| 46. | Máy đo khúc xạ mắt                               | Máy | 1                  |
| 47. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)      | Máy | 10                 |
| 48. | Máy đông cầm máu                                 | Máy | 1                  |
| 49. | Máy đốt cổ tử cung                               | Máy | 1                  |
| 50. | Máy đốt họng                                     | Máy | 2                  |
| 51. | Máy hấp tiệt trùng                               | Máy | 14                 |
| 52. | Máy hút dịch                                     | Máy | 32                 |
| 53. | Máy kéo giãn cột sống                            | Máy | 5                  |
| 54. | Máy laser nội mạch                               | Máy | 2                  |
| 55. | Máy nghe tim thai doppler                        | Máy | 4                  |
| 56. | Máy nội nha                                      | Máy | 1                  |
| 57. | Máy phân tích điện giải                          | Máy | 1                  |
| 58. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh | Máy | 1                  |
| 59. | Máy sắc thuốc và đóng gói                        | Máy | 1                  |
| 60. | Máy siêu âm điều trị                             | Máy | 4                  |
| 61. | Máy soi tĩnh mạch                                | Máy | 3                  |
| 62. | Máy tán sỏi                                      | Máy | 1                  |
| 63. | Máy tạo oxy                                      | Máy | 22                 |
| 64. | Máy tập phản xạ                                  | Máy | 2                  |
| 65. | Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma    | Máy | 1                  |
| 66. | Máy trám răng                                    | Máy | 2                  |
| 67. | Máy trị liệu bằng liệu pháp tăng áp              | Máy | 2                  |
| 68. | Thiết bị soi ối                                  | Máy | 1                  |
| 69. | Tủ đựng dụng cụ tia cực tím                      | Cái | 1                  |
| 70. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất              | Cái | 1                  |
| 71. | Tủ lạnh trữ máu                                  | Cái | 1                  |
| 72. | Xe đạp lực kế                                    | Cái | 1                  |

**PHỤ LỤC XVII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ**  
**HUYỆN TÂN PHÚ**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày    tháng    năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                      | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy siêu âm xách tay                            | Máy      | 2                  |
| 2.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                | Hệ thống | 1                  |
| 3.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại               | Hệ thống | 5                  |
| 4.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại               | Hệ thống | 7                  |
| 5.  | Bàn kéo nắn chấn thương chỉnh hình              | Cái      | 1                  |
| 6.  | Bàn sanh, khám sản khoa                         | Cái      | 3                  |
| 7.  | Bàn tập phục hồi chức năng                      | Cái      | 1                  |
| 8.  | Bộ đặt nội khí quản                             | Bộ       | 5                  |
| 9.  | Bộ khám ngũ quan                                | Bộ       | 1                  |
| 10. | Bộ dụng cụ bóc lột tĩnh mạch                    | Bộ       | 5                  |
| 11. | Bộ dụng cụ chích chấp leo                       | Bộ       | 1                  |
| 12. | Bộ dụng cụ đại phẫu                             | Bộ       | 2                  |
| 13. | Bộ dụng cụ đình sản nam                         | Bộ       | 10                 |
| 14. | Bộ dụng cụ đình sản nữ                          | Bộ       | 10                 |
| 15. | Bộ dụng cụ đỡ đẻ                                | Bộ       | 10                 |
| 16. | Bộ dụng cụ khám bệnh                            | Bộ       | 10                 |
| 17. | Bộ dụng cụ khám điều trị                        | Bộ       | 3                  |
| 18. | Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa                    | Bộ       | 5                  |
| 19. | Bộ dụng cụ lấy dị vật giác mạc                  | Bộ       | 2                  |
| 20. | Bộ dụng cụ mổ đẻ và cắt dạ con                  | Bộ       | 1                  |
| 21. | Bộ dụng cụ mở khí quản                          | Bộ       | 2                  |
| 22. | Bộ dụng cụ phẫu thuật các loại                  | Bộ       | 3                  |
| 23. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt amidan, nạo VA        | Bộ       | 2                  |
| 24. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt trĩ                   | Bộ       | 1                  |
| 25. | Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt tử cung               | Bộ       | 1                  |
| 26. | Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình    | Bộ       | 1                  |
| 27. | Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt                       | Bộ       | 2                  |
| 28. | Bộ dụng cụ phẫu thuật quặm, mộng mắt            | Bộ       | 1                  |
| 29. | Bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa              | Bộ       | 3                  |
| 30. | Bộ dụng cụ tiểu phẫu                            | Bộ       | 5                  |
| 31. | Bộ dụng cụ trung phẫu                           | Bộ       | 3                  |
| 32. | Bộ ghế ngồi kéo cổ                              | Bộ       | 3                  |
| 33. | Bộ khám điều trị mắt                            | Bộ       | 1                  |
| 34. | Bộ dụng cụ nhổ răng                             | Bộ       | 10                 |
| 35. | Bộ nắn xương chỉnh hình dùng với bàn mổ đa năng | Bộ       | 1                  |

| STT | CHUNG LOẠI                                             | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 36. | Bộ nạo thai                                            | Bộ       | 4                  |
| 37. | Bộ phẫu thuật tiêu hóa                                 | Bộ       | 2                  |
| 38. | Bộ tháo vòng tránh thai                                | Bộ       | 4                  |
| 39. | Cáng cứu thương đa năng                                | Cái      | 2                  |
| 40. | Đèn Clar                                               | Cái      | 2                  |
| 41. | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                        | Cái      | 2                  |
| 42. | Đèn soi đáy mắt                                        | Cái      | 2                  |
| 43. | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đẻ                               | Bộ       | 2                  |
| 44. | Ghế khám tai mũi họng                                  | Cái      | 1                  |
| 45. | Ghế máy nha khoa                                       | Máy      | 1                  |
| 46. | Ghế tập cơ đùi                                         | Cái      | 1                  |
| 47. | Giường kéo giãn cột sống                               | Cái      | 4                  |
| 48. | Hệ thống khí y tế                                      | Hệ thống | 1                  |
| 49. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS                    | Hệ thống | 1                  |
| 50. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS              | Hệ thống | 1                  |
| 51. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                        | Hệ thống | 1                  |
| 52. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                           | Cái      | 6                  |
| 53. | Lồng ấp trẻ sơ sinh                                    | Cái      | 1                  |
| 54. | Máy điều trị bằng điện từ trường                       | Máy      | 1                  |
| 55. | Máy điều trị bằng sóng ngắn                            | Máy      | 1                  |
| 56. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)                  | Máy      | 1                  |
| 57. | Máy đo khúc xạ mắt                                     | Máy      | 1                  |
| 58. | Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)            | Máy      | 5                  |
| 59. | Máy đo Pro-BNP                                         | Máy      | 1                  |
| 60. | Máy đo tốc độ lắng máu                                 | Máy      | 1                  |
| 61. | Máy đóng gói chân không                                | Máy      | 1                  |
| 62. | Máy đốt cổ tử cung                                     | Máy      | 1                  |
| 63. | Máy hút dịch                                           | Máy      | 7                  |
| 64. | Máy hấp tiệt trùng                                     | Máy      | 6                  |
| 65. | Máy khí dung siêu âm                                   | Máy      | 5                  |
| 66. | Máy khoan xương điện                                   | Máy      | 1                  |
| 67. | Máy laser điều trị                                     | Máy      | 1                  |
| 68. | Máy ly tâm các loại                                    | Máy      | 12                 |
| 69. | Máy nghe tim thai doppler                              | Máy      | 3                  |
| 70. | Máy phân tích điện giải                                | Máy      | 2                  |
| 71. | Máy quay HCT                                           | Máy      | 1                  |
| 72. | Máy tạo oxy                                            | Máy      | 8                  |
| 73. | Thiết bị điều trị vàng da                              | Máy      | 1                  |
| 74. | Thiết bị trị liệu cột sống                             | Máy      | 2                  |
| 75. | Thiết bị xoa bóp rung cơ hồng ngoại, xông lưng tự động | Máy      | 1                  |
| 76. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất                    | Cái      | 5                  |

**PHỤ LỤC XVIII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ**  
**THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày      tháng      năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                 | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------|----------|-----------------|
| 1.  | Máy siêu âm xách tay                       | Máy      | 22              |
| 2.  | Máy xét nghiệm HBA1C                       | Máy      | 2               |
| 3.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại          | Hệ thống | 15              |
| 4.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại          | Hệ thống | 16              |
| 5.  | Bộ đặt nội khí quản                        | Bộ       | 15              |
| 6.  | Bộ dụng cụ đỡ đẻ                           | Bộ       | 15              |
| 7.  | Bộ dụng cụ khám Răng Hàm Mặt               | Bộ       | 16              |
| 8.  | Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa               | Bộ       | 16              |
| 9.  | Bộ dụng cụ khám và điều trị tai mũi họng   | Bộ       | 16              |
| 10. | Bộ dụng cụ lấy dị vật đường tai            | Bộ       | 17              |
| 11. | Bộ dụng cụ nhổ răng                        | Bộ       | 32              |
| 12. | Bộ dụng cụ rửa dạ dày                      | Bộ       | 17              |
| 13. | Bộ dụng cụ tiểu phẫu                       | Bộ       | 50              |
| 14. | Bộ khám ngũ quan                           | Bộ       | 16              |
| 15. | Bơm định liều                              | Cái      | 8               |
| 16. | Cân có thước đo chiều cao và phân tích BME | Cái      | 17              |
| 17. | Cáng cứu thương đa năng                    | Cái      | 17              |
| 18. | Đèn Clar                                   | Cái      | 16              |
| 19. | Đèn cực tím                                | Cái      | 17              |
| 20. | Đèn khám bệnh treo trần                    | Cái      | 16              |
| 21. | Đèn soi đáy mắt                            | Cái      | 2               |
| 22. | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đẻ                   | Bộ       | 17              |
| 23. | Ghế máy nha khoa                           | Máy      | 16              |
| 24. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS        | Hệ thống | 1               |
| 25. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS  | Hệ thống | 1               |
| 26. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS            | Hệ thống | 1               |
| 27. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính               | Cái      | 17              |
| 28. | Máy đếm tế bào                             | Máy      | 1               |
| 29. | Máy điện châm                              | Máy      | 30              |
| 30. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)      | Máy      | 1               |
| 31. | Máy đo nồng độ cồn trong hơi thở           | Máy      | 2               |
| 32. | Máy đo thính lực/ Máy đo nhĩ lượng         | Máy      | 2               |
| 33. | Máy hấp tiệt trùng                         | Máy      | 93              |
| 34. | Máy hút dịch                               | Máy      | 17              |
| 35. | Máy ly tâm các loại                        | Máy      | 35              |

| STT | CHUNG LOẠI                                       | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 36. | Máy nghe tim thai doppler                        | Máy      | 20                 |
| 37. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh | Máy      | 2                  |
| 38. | Máy rửa phim                                     | Máy      | 1                  |
| 39. | Máy tạo oxy                                      | Máy      | 35                 |
| 40. | Máy trám răng                                    | Máy      | 15                 |
| 41. | Máy xét nghiệm Gene Xpert                        | Máy      | 1                  |
| 42. | Tủ âm các loại                                   | Cái      | 1                  |
| 43. | Tủ an toàn sinh học                              | Cái      | 4                  |
| 44. | Tủ bảo quản âm sâu                               | Cái      | 3                  |
| 45. | Tủ hút khí độc                                   | Cái      | 2                  |
| 46. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất              | Cái      | 32                 |
| 47. | Tủ mát các loại                                  | Cái      | 10                 |
| 48. | Tủ sấy các loại                                  | Cái      | 20                 |
| 49. | Xe tiêm chủng lưu động                           | Hệ thống | 1                  |

**PHỤ LỤC XIX**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ**  
**HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày        tháng        năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                       | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy siêu âm xách tay                             | Máy      | 1                  |
| 2.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                | Hệ thống | 2                  |
| 3.  | Bộ đặt nội khí quản                              | Bộ       | 1                  |
| 4.  | Bộ khám ngũ quan                                 | Bộ       | 15                 |
| 5.  | Bơm định liều                                    | Cái      | 4                  |
| 6.  | Cáng cứu thương đa năng                          | Cái      | 2                  |
| 7.  | Đèn khe khám mắt (Sinh hiển vi)                  | Cái      | 1                  |
| 8.  | Đèn soi đáy mắt                                  | Cái      | 2                  |
| 9.  | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đẻ                         | Bộ       | 16                 |
| 10. | Ghế máy nha khoa                                 | Máy      | 15                 |
| 11. | Giường bệnh nhân, hồi sức cấp cứu và chuyên dụng | Cái      | 10                 |
| 12. | Hệ thống an toàn phòng xét nghiệm                | Hệ thống | 1                  |
| 13. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS              | Hệ thống | 1                  |
| 14. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS        | Hệ thống | 1                  |
| 15. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS                  | Hệ thống | 1                  |
| 16. | Hệ thống xử lý nước RO                           | Hệ thống | 15                 |
| 17. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                     | Cái      | 15                 |
| 18. | Máy đo nồng độ cồn trong hơi thở                 | Máy      | 1                  |
| 19. | Máy hấp tiệt trùng                               | Máy      | 18                 |
| 20. | Máy hút dịch                                     | Máy      | 1                  |
| 21. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh | Máy      | 2                  |
| 22. | Tủ an toàn sinh học                              | Cái      | 1                  |
| 23. | Tủ hút khí độc                                   | Cái      | 2                  |
| 24. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất              | Cái      | 4                  |
| 25. | Đèn Clar                                         | Cái      | 16                 |
| 26. | Máy khí dung                                     | Máy      | 16                 |
| 27. | Máy tạo Oxy                                      | Máy      | 16                 |
| 28. | Bộ dụng cụ mở khí quản                           | Cái      | 34                 |
| 29. | Tủ sấy các loại                                  | Cái      | 16                 |
| 30. | Máy xét nghiệm Gene Xpert                        | Máy      | 1                  |

**PHỤ LỤC XX**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ VÀ CÁC TRẠM Y TẾ**  
**HUYỆN LONG THÀNH**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày    tháng    năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Máy siêu âm xách tay                      | Máy      | 1                  |
| 2.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại         | Hệ thống | 2                  |
| 3.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại         | Hệ thống | 20                 |
| 4.  | Bể điều nhiệt/ cách thủy                  | Cái      | 1                  |
| 5.  | Bộ đặt nội khí quản                       | Bộ       | 1                  |
| 6.  | Bơm định liều                             | Cái      | 4                  |
| 7.  | Cáng cứu thương đa năng                   | Cái      | 1                  |
| 8.  | Đèn soi đáy mắt                           | Cái      | 2                  |
| 9.  | Dụng cụ tiểu phẫu, đỡ đẻ                  | Bộ       | 1                  |
| 10. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS       | Hệ thống | 1                  |
| 11. | Hệ thống quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS | Hệ thống | 1                  |
| 12. | Hệ thống quản lý xét nghiệm LIS           | Hệ thống | 1                  |
| 13. | Máy đếm tế bào                            | Máy      | 1                  |
| 14. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)     | Máy      | 2                  |
| 15. | Máy đo nồng độ cồn trong hơi thở          | Máy      | 2                  |
| 16. | Máy hấp tiệt trùng                        | Máy      | 1                  |
| 17. | Máy hút dịch                              | Máy      | 1                  |
| 18. | Máy lắc các loại                          | Máy      | 1                  |
| 19. | Máy ly tâm các loại                       | Máy      | 5                  |
| 20. | Máy phun hóa chất                         | Máy      | 17                 |
| 21. | Máy trám răng                             | Máy      | 11                 |
| 22. | Máy xét nghiệm Gene Xpert                 | Máy      | 1                  |
| 23. | Tủ an toàn sinh học                       | Cái      | 5                  |
| 24. | Tủ âm các loại                            | Cái      | 2                  |
| 25. | Tủ bảo quản âm sâu                        | Cái      | 3                  |
| 26. | Tủ hút khí độc                            | Cái      | 1                  |
| 27. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất       | Cái      | 4                  |
| 28. | Tủ sấy các loại                           | Cái      | 2                  |

**PHỤ LỤC XXI**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT**  
**BỆNH TẬT**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày        tháng        năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                                 | ĐVT      | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|-----|------------------------------------------------------------|----------|-----------------|
| 1.  | Máy X-quang nhũ                                            | Máy      | 1               |
| 2.  | Máy siêu âm xách tay                                       | Máy      | 4               |
| 3.  | Máy xét nghiệm đông máu các loại                           | Hệ thống | 1               |
| 4.  | Máy xét nghiệm huyết học các loại                          | Hệ thống | 6               |
| 5.  | Máy xét nghiệm nước tiểu các loại                          | Hệ thống | 6               |
| 6.  | Bàn sanh, khám sản khoa                                    | Cái      | 1               |
| 7.  | Bàn soi gel/ Máy soi gel                                   | Máy      | 1               |
| 8.  | Bàn sưởi ấm, hồi sức sơ sinh                               | Cái      | 1               |
| 9.  | Bảng chiếu thị lực                                         | Cái      | 6               |
| 10. | Bể điều nhiệt/cách thủy                                    | Cái      | 6               |
| 11. | Bể siêu âm                                                 | Cái      | 4               |
| 12. | Bể ủ nhiệt khô                                             | Cái      | 1               |
| 13. | Bộ đo Ergonomic                                            | Bộ       | 3               |
| 14. | Bộ dụng cụ khám và điều trị tai mũi họng                   | Bộ       | 6               |
| 15. | Bộ kính thử thị lực                                        | Bộ       | 4               |
| 16. | Bộ Micropipette                                            | Bộ       | 12              |
| 17. | Bộ rửa mắt                                                 | Bộ       | 6               |
| 18. | Bồn rửa mắt                                                | Cái      | 7               |
| 19. | Đèn đọc phim X-Quang                                       | Cái      | 2               |
| 20. | Đèn led khám tai mũi họng                                  | Cái      | 12              |
| 21. | Đèn soi đáy mắt                                            | Cái      | 5               |
| 22. | Ghế máy nha khoa                                           | Máy      | 1               |
| 23. | Hệ thống PCR Real Time                                     | Hệ thống | 6               |
| 24. | Hệ thống quản lý hình ảnh y tế PACS                        | Hệ thống | 1               |
| 25. | Thùng bảo quản mẫu, vaccine/ Phích đựng vaccine, sinh phẩm | Cái      | 13              |
| 26. | Hộp lưu mẫu bệnh phẩm                                      | Cái      | 1               |
| 27. | Kính đếm khuẩn lạc                                         | Cái      | 2               |
| 28. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính                               | Cái      | 22              |

| STT | CHUNG LOẠI                                       | ĐVT | SỐ LƯỢNG TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------|-----|-----------------|
| 29. | Máy áp lạnh cổ tử cung                           | Máy | 1               |
| 30. | Máy cấy vi khuẩn tự động                         | Máy | 1               |
| 31. | Máy chụp hình Gel                                | Máy | 1               |
| 32. | Máy cô quay chân không                           | Máy |                 |
| 33. | Máy cưa bột                                      | Máy | 1               |
| 34. | Máy dập mẫu                                      | Máy |                 |
| 35. | Máy đếm bách phân                                | Máy |                 |
| 36. | Máy đếm khuẩn lạc                                | Máy |                 |
| 37. | Máy đếm tế bào                                   | Máy | 3               |
| 38. | Máy điện di                                      | Máy | 3               |
| 39. | Máy đo chức năng hô hấp (phế dung kế)            | Máy | 4               |
| 40. | Máy đo độ loãng xương                            | Máy | 1               |
| 41. | Máy đo thính lực/ Máy đo nhĩ lượng               | Máy | 6               |
| 42. | Máy đọc Gel                                      | Máy | 1               |
| 43. | Đèn Bunsen khử trùng que cấy                     | Cái | 4               |
| 44. | Máy hấp tiệt trùng                               | Máy | 18              |
| 45. | Máy đóng gói chân không                          | Máy | 3               |
| 46. | Máy hút thai                                     | Máy | 1               |
| 47. | Máy khuấy từ                                     | Cái | 4               |
| 48. | Máy lắc các loại                                 | Máy | 13              |
| 49. | Máy laser CO2                                    | Máy | 1               |
| 50. | Máy ly tâm các loại                              | Máy | 26              |
| 51. | Máy nghe tim thai doppler                        | Máy | 1               |
| 52. | Máy nghiền mẫu                                   | Máy | 4               |
| 53. | Máy nhuộm mô/ tiêu bản                           | Máy | 2               |
| 54. | Máy pha chế môi trường nuôi cấy                  | Máy |                 |
| 55. | Máy pha loãng nồng độ                            | Máy |                 |
| 56. | Máy phân tích bệnh tiểu đường                    | Máy | 1               |
| 57. | Máy phun hóa chất khử khuẩn phòng mổ/ buồng bệnh | Máy | 3               |
| 58. | Máy quang phổ                                    | Máy |                 |
| 59. | Máy rửa Elisa                                    | Máy | 3               |
| 60. | Máy rửa phim                                     | Máy | 2               |
| 61. | Máy tách chiết DNA/ RNA                          | Máy | 2               |
| 62. | Máy trộn mẫu                                     | Máy |                 |
| 63. | Máy trộn Vortex                                  | Máy |                 |
| 64. | Máy ủ cột                                        | Máy |                 |
| 65. | Máy ủ Elisa                                      | Máy |                 |
| 66. | Máy xét nghiệm tế bào ung thư cổ tử cung         | Máy | 3               |
| 67. | Thiết bị rửa dụng cụ bằng siêu âm                | Máy | 2               |
| 68. | Tủ âm các loại                                   | Cái | 8               |
| 69. | Tủ an toàn sinh học                              | Cái | 16              |

| <b>STT</b> | <b>CHỦNG LOẠI</b>                   | <b>ĐVT</b> | <b>SỐ LƯỢNG TỐI ĐA</b> |
|------------|-------------------------------------|------------|------------------------|
| 70.        | Tủ bảo quản âm sâu                  | Cái        | 10                     |
| 71.        | Tủ hút ẩm bảo quản thiết bị         | Cái        | 1                      |
| 72.        | Tủ hút khí độc                      | Cái        | 4                      |
| 73.        | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất | Cái        | 2                      |
| 74.        | Tủ lạnh dương                       | Cái        | 8                      |
| 75.        | Tủ mát các loại                     | Cái        | 11                     |
| 76.        | Tủ nuôi cấy                         | Cái        | 1                      |
| 77.        | Tủ sấy các loại                     | Cái        | 20                     |
| 78.        | Tủ/ Bồn thao tác PCR                | Cái        | 1                      |

**PHỤ LỤC XXII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM PHÁP Y**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày    tháng    năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                               | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------------|
| 1.  | Bộ dụng cụ giám định hải cốt             | Bộ  | 1                  |
| 2.  | Bộ dụng cụ khám Răng Hàm Mặt             | Bộ  | 1                  |
| 3.  | Bộ dụng cụ khám và điều trị tai mũi họng | Bộ  | 1                  |
| 4.  | Bộ dụng cụ khám thần kinh                | Bộ  | 1                  |
| 5.  | Bộ dụng cụ khám xâm hại tình dục         | Bộ  | 1                  |
| 6.  | Bộ dụng cụ khám nghiệm tử thi            | Bộ  | 1                  |
| 7.  | Cáng cứu thương đa năng                  | Cái | 2                  |
| 8.  | Máy cưa xương điện                       | Máy | 2                  |
| 9.  | Kính hiển vi 02 đầu thị kính             | Cái | 1                  |
| 10. | Máy hấp tiệt trùng                       | Máy | 3                  |
| 11. | Tủ bảo quản bệnh phẩm                    | Cái | 1                  |
| 12. | Tủ đựng dung môi hóa chất                | Cái | 1                  |
| 13. | Tủ lạnh bảo quản tử thi                  | Cái | 2                  |

**PHỤ LỤC XXIII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH Y KHOA**  
*(Đính kèm Quyết định số           /QĐ-SYT ngày    tháng    năm 2023 của Sở Y tế)*

| <b>STT</b> | <b>CHỦNG LOẠI</b> | <b>ĐVT</b> | <b>SỐ LƯỢNG<br/>TỐI ĐA</b> |
|------------|-------------------|------------|----------------------------|
| 1          | Máy đo thính lực  | Máy        | 1                          |

**PHỤ LỤC XXIII**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày        tháng        năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                              | ĐVT      | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------------------|----------|--------------------|
| 1.  | Bể điều nhiệt/cách thủy                 | Cái      | 9                  |
| 2.  | Bể siêu âm                              | Cái      | 3                  |
| 3.  | Bộ Micropipette                         | Bộ       | 5                  |
| 4.  | Bộ thử nghiệm minilab                   | Bộ       | 1                  |
| 5.  | Buồng tắm khí                           | Cái      | 1                  |
| 6.  | Hệ thống PCR Real Time                  | Hệ thống | 1                  |
| 7.  | Hệ thống quản lý Trung tâm Kiểm nghiệm  | Hệ thống | 1                  |
| 8.  | Hệ thống thiết bị phòng sạch            | Hệ thống | 1                  |
| 9.  | Hệ thống xử lý nước RO                  | Hệ thống | 1                  |
| 10. | Kính hiển vi 02 đầu thị kính            | Cái      | 3                  |
| 11. | Lò nung                                 | Cái      | 4                  |
| 12. | Máy đếm khuẩn lạc                       | Máy      | 2                  |
| 13. | Máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ | Máy      | 1                  |
| 14. | Máy đo nồng độ DNA                      | Máy      | 1                  |
| 15. | Máy hấp tiệt trùng                      | Máy      | 3                  |
| 16. | Máy lắc các loại                        | Máy      | 18                 |
| 17. | Máy ly tâm các loại                     | Máy      | 13                 |
| 18. | Máy nghiền mẫu                          | Máy      | 3                  |
| 19. | Máy nhuộm mô/ tiêu bản                  | Máy      | 1                  |
| 20. | Máy ủ nhiệt                             | Máy      | 1                  |
| 21. | Tủ ẩm các loại                          | Cái      | 14                 |
| 22. | Tủ an toàn sinh học                     | Cái      | 6                  |
| 23. | Tủ bảo quản âm sâu                      | Cái      | 2                  |
| 24. | Tủ hút khí độc                          | Cái      | 14                 |
| 25. | Tủ lạnh bảo quản 4-8 độ                 | Cái      | 14                 |
| 26. | Tủ lạnh bảo quản vacxin và hóa chất     | Cái      | 22                 |
| 27. | Tủ mát các loại                         | Cái      | 5                  |
| 28. | Tủ sấy các loại                         | Cái      | 10                 |
| 29. | Tủ/ Buồng thao tác PCR                  | Cái      | 2                  |

**PHỤ LỤC XXIV**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**  
**KHÁC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TẠI CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH**  
**THỰC PHẨM**

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-SYT ngày    tháng    năm 2023 của Sở Y tế)

| STT | CHUNG LOẠI                                                 | ĐVT | SỐ LƯỢNG<br>TỐI ĐA |
|-----|------------------------------------------------------------|-----|--------------------|
| 1.  | Máy lắc các loại                                           | Máy | 1                  |
| 2.  | Máy ly tâm các loại                                        | Máy | 1                  |
| 3.  | Tủ âm các loại                                             | Cái | 1                  |
| 4.  | Thùng bảo quản mẫu, vaccine/ Phích đựng vaccine, sinh phẩm | Cái | 1                  |